

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
ĐẶT VẤN ĐỀ	1
1. Mục đích, yêu cầu, nhiệm vụ của việc lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024	1
2. Những căn cứ pháp lý và cơ sở lập kế hoạch sử dụng đất	2
PHẦN I	6
KHÁI QUÁT ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ XÃ HỘI	6
1.1. Khái quát điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên môi trường	6
1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội năm 2023	8
1.3. Đánh giá chung	14
PHẦN II	16
KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023	16
2.1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023	16
2.2. Đánh giá kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023	26
2.3. Đánh giá kết quả thực hiện thu hồi đất năm 2023	27
2.4. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023	29
PHẦN III	36
LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024	36
3.1. Nhu cầu sử dụng đất năm kế hoạch 2024	36
3.2. Chỉ tiêu sử dụng đất	36
3.3. Tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Đăk Mil phân theo đơn vị hành chính	52
3.4. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích	55
3.5. Diện tích đất cần thu hồi	57
3.6. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng	61
PHẦN IV	66
CÁC GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	66
3.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường	66
3.2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất	66
3.3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất	67
3.2. Các giải pháp về quản lý hành chính	68
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	69
I. KẾT LUẬN	69
II. KIẾN NGHỊ	69

ĐẶT VẤN ĐỀ

Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là cơ sở để Nhà nước quản lý thống nhất toàn bộ đất đai theo hiến pháp và pháp luật, đảm bảo đất đai được sử dụng tiết kiệm, hợp lý và có hiệu quả cao nhất.

Để cụ thể hóa quy hoạch, việc lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm có vai trò rất quan trọng, là căn cứ để giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất để đầu tư xây dựng công trình dự án phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng.

Nội dung lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện là một điểm mới trong Luật Đất đai năm 2013 nhằm cụ thể hóa nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, các cấp; khả năng đầu tư, huy động nguồn lực để thực hiện; từ đó xác định diện tích các loại đất cần phải thu hồi để thực hiện công trình, dự án trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

Vì vậy, để tiết kiệm, sử dụng hiệu quả quỹ đất, tránh việc giao đất, cho thuê đất không phù hợp quy hoạch; mua bán chuyển nhượng dự án đầu tư hoặc giao đất, cho thuê đất đối với các nhà đầu tư có năng lực tài chính hạn chế... dẫn đến bỏ hoang đất đai, đất đai bị lấn chiếm, đất đai bị sử dụng sai mục đích, việc lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Đắk Mil là hành lang pháp lý cho công tác giao đất, cho thuê đất được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật đất đai và là một nội dung bắt buộc trong quá trình quản lý, sử dụng đất của huyện Đắk Mil.

Thực hiện theo Luật đất đai và các nghị định thi hành; Căn cứ các nhu cầu sử dụng đất tại địa bàn huyện Đắk Mil của các ngành, đơn vị, tổ chức, cá nhân; UBND huyện đã tiến hành lập: “*Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông*”.

1. Mục đích, yêu cầu, nhiệm vụ của việc lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024

1.1. Mục đích

- Thực hiện có hiệu quả Quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch các ngành nghề khác của huyện Đắk Mil.

- Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước, tìm ra những tồn tại, nguyên nhân của việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước.

- Xây dựng kế hoạch sử dụng đất năm 2024 để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

- Làm cơ sở pháp lý quan trọng để giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, đấu giá quyền sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,...

- Góp phần quan trọng trong chuyển đổi cơ cấu kinh tế, thu hút đầu tư, xây dựng các hạ tầng kỹ thuật, kinh tế - xã hội, ổn định và phát triển các khu dân cư đô thị, nông thôn, các khu dịch vụ, du lịch, các khu công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, các vùng chuyên canh sản xuất nông nghiệp, tăng nguồn thu ngân sách từ đất đai.

- Chủ động, ổn định điều kiện sống, sản xuất cho các đối tượng bị thu hồi đất.

1.2. Yêu cầu

- Xác định nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực trong năm kế hoạch và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã gồm:

+ Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm trước chưa thực hiện hết nhưng phải phù hợp với kinh tế - xã hội trên địa bàn cấp huyện;

+ Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn cấp huyện.

- Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất, cân đối xác định các chỉ tiêu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực trong năm kế hoạch và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

- Xác định diện tích các loại đất cần chuyển mục đích quy định tại các điểm a, b, c, d và e Khoản 1 Điều 57 của Luật Đất đai trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

- Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

- Xác định quy mô, địa điểm công trình, dự án; vị trí, diện tích khu vực sử dụng đất vào các mục đích quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai để thực hiện thu hồi đất trong năm kế hoạch, bao gồm:

+ Các dự án quy định tại Điều 61 và Khoản 1, 2, Điều 62 của Luật Đất đai và đã được ghi vốn thực hiện trong năm kế hoạch;

+ Các dự án quy định tại Khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai và đã được ghi vốn thực hiện trong năm kế hoạch đối với các dự án thực hiện bằng ngân sách nhà nước; có văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các dự án còn lại;

1.3. Nhiệm vụ

- Xác định hướng phát triển kinh tế - xã hội trên cơ sở đánh giá các điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội, các lợi thế và hạn chế của địa phương làm cơ sở đề xuất phương án sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024;

- Xác định nguồn lực và khả năng huy động các nguồn lực cho việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

- Xác định tiến độ và các giải pháp thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

1.4. Phạm vi lập kế hoạch

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024, được lập trong phạm vi trong địa giới hành chính của huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

2. Những căn cứ pháp lý và cơ sở lập kế hoạch sử dụng đất

- Luật Đất đai năm 2013 ngày 29 tháng 11 năm 2013;

- Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12, ngày 17/6/2009, được hợp nhất tại Văn bản số 16/VBHN-VPQH ngày 15/7/2020 của Văn phòng Quốc hội;

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014, được hợp nhất tại Văn bản số 02/VBHN-VPQH ngày 15/7/2020 của Văn phòng Quốc hội;

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP, ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính Phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 05 năm 2019 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;
- Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ, về việc quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng, được hợp nhất tại Văn bản số 07/VBHN-BXD ngày 22/11/2019 của Bộ Xây dựng;
- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nghị định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị, được hợp nhất tại Văn bản số 11/VBHN-BXD, ngày 12/9/2023 của Bộ Xây dựng;
- Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/06/2022 của Quốc Hội “tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;
- Chỉ thị số 30/CT-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp triển khai lập đồng thời các quy hoạch thời kỳ 2022 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 11 tháng 08 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Về đẩy mạnh công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp;
- Thông tư số 01/2017/TT-BNTMT ngày 09 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định Định mức sử dụng đất xây dựng cơ sở văn hóa, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục và đào tạo, cơ sở thể dục thể thao;
- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT, ngày 29 tháng 09 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;
- Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;
- Thông tư số 01/2021/TT-BNTMT ngày 12/04/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
- Nghị quyết số 146/NQ-HĐND ngày 20/8/2021 của HĐND tỉnh Đắk Nông thông qua kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn (nguồn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương) giai đoạn 2021- 2025;
- Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Danh mục các dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2023;

- Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa để phát triển kinh tế-xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2023;

Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 14/07/2023 về giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

- Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 24/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Danh mục bổ sung, điều chỉnh các dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2023;

- Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Danh mục các dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2023;

- Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông Về việc sửa đổi, bổ Sung Bảng giá đất giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 29/4/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐUBND ngày 13/12/2023 của của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Quy định hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2024 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

- Quyết định số 2004/QĐ-UBND ngày 11/12/2019 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt Phương án sử dụng đất tổng thể do các Công ty Nông Lâm nghiệp bàn giao về địa phương quản lý;

- Quyết định số 1731/QĐ-UBND ngày 18/11/2020 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành danh mục các dự án kêu gọi, thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, giai đoạn 2020 - 2025;

- Quyết định số 839/QĐ-UBND ngày 12 tháng 05 năm 2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cho các huyện, thành phố Gia Nghĩa;

- Quyết định số 1630/QĐ-UBND ngày 30/9/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2022 - 2025;

- Quyết định số 2195/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1474/QĐ-UBND ngày 08/9/2017 về việc phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch ba loại rừng tỉnh Đắk Nông; Quyết định số 87/QĐ-UNND ngày 19/01/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch ba loại rừng tỉnh Đắk Nông; Quyết định số 2237/QĐ-UNND ngày 16/12/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về cập nhật, điều chỉnh quy hoạch ba loại rừng tỉnh Đắk Nông;

- Quyết định số 2072/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Đắk Mil;

- Quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 25/07/2023 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Đắk Mil.

- Quyết định số 2811/QĐ-UBND ngày 02/10/2023 của UBND huyện Đắk Mil về phê duyệt dự toán kinh phí lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông;

- Chương trình số 46-CTr/TU ngày 22/9/2022 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2023 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Công văn số 357/UBND –NN ngày 29/08/2018 về việc quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cho mục đích đất tôn giáo;

- Công văn số 12088/UBND CTN ngày 18/03/2020 về việc tăng cường công tác quản lý, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cơ sở tôn giáo trên địa bàn tỉnh;

- Quyết định số 14/2018 QĐ-UBND ngày 22/05/2018 về việc quy định diện tích đất giao cho tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

3. Cơ sở thông tin, tư liệu, bản đồ

- Kết quả kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 huyện Đắk Mil và các xã, thị trấn;

- Kết quả thống kê đất đai năm 2021 huyện Đắk Mil và các xã, thị trấn;

- Bản đồ đo đạc địa chính chính quy tỉ lệ 1/500, 1/1000, 1/2000 của các xã, thị trấn trên địa bàn huyện;

- Báo cáo Kết quả thực hiện nhiệm vụ Kinh tế - Xã hội, Quốc phòng - An ninh 9 tháng đầu năm khả năng thực hiện kế hoạch 03 tháng cuối năm và xây dựng kế hoạch 2024.

- Báo cáo, văn bản đăng ký nhu cầu sử dụng đất năm 2024 của các tổ chức, các phòng ban chuyên môn của huyện và UBND các xã, thị trấn và các đơn vị sử dụng đất liên quan trên địa bàn huyện Đắk Mil.

- Các số liệu điều tra cơ bản, các dự án đầu tư, các văn bản pháp lý có liên quan.

- Niên giám thống kê của huyện các năm 2020, 2021, 2022

PHẦN I

KHÁI QUÁT ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ XÃ HỘI

1.1. Khái quát điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên môi trường

1.1.1. Điều kiện tự nhiên

1.1.1.1. Vị trí địa lý

Huyện Đắk Mil nằm về phía Bắc tỉnh Đắk Nông, cách trung tâm tỉnh Đắk Nông (Thành phố Gia Nghĩa) 66 km về phía Bắc theo Quốc lộ 14; có tổng diện tích tự nhiên 67.901,69 ha, có 10 đơn vị hành chính (9 xã, 1 thị trấn) với 125 thôn, bon, bản, tổ dân phố; dân số trung bình 105.263 người, với 19 dân tộc, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số 20.794 người, chiếm 20,8% dân số toàn huyện. Có trên 6-0 tín đồ tôn giáo, chiếm khoảng 60% dân số toàn huyện.

1.1.1.2. Địa hình, địa mạo

Khu vực phía Tây nam của huyện có độ cao trung bình từ 700-800m, phía Bắc từ 400-600m so với mực nước biển. Phần lớn địa hình có dạng đồi lượn sóng nối liền nhau bị chia cắt bởi nhiều sông suối nhỏ và các hợp thủy, xen kẽ là các thung lũng nhỏ, bằng, thấp.

1.1.1.3. Khí hậu, thời tiết

Huyện Đắk Mil là một khu vực chuyển tiếp giữa 2 tiểu vùng khí hậu Đắk Lắk và Đắk Nông, chế độ khí hậu của khu vực mang đặc điểm chung của khí hậu nhiệt đới gió mùa cận xích đạo, nhưng có sự nâng lên của địa hình nên có đặc điểm rất đặc trưng của khí hậu nhiệt đới gió mùa cao nguyên, mỗi năm có 2 mùa rõ rệt: mùa mưa từ tháng 4 đến hết tháng 10 tập trung trên 90% lượng mưa cả năm; mùa khô từ tháng 11 đến hết tháng 3 năm sau, lượng mưa không đáng kể. Ở vùng trung tâm huyện Đắk Mil kéo dài lên phía Bắc (địa phận huyện Cư Jút lượng mưa bình quân năm giao động từ 1.550mm đến 1.750mm.

1.1.1.4. Thủy văn

Mùa lũ bắt đầu từ tháng 7 đến tháng 11, các tháng xuất hiện lũ lớn là tháng 9, 10, 11. Mùa cạn từ tháng 2 đến tháng 4, tháng kiệt nhất là tháng 3 và tháng 4.

Các đặc trưng dòng chảy đạt cao nhất thường gấp hơn 30 lần nhỏ nhất, chứng tỏ khả năng tập trung cũng như tiêu hao nước rất nhanh của khu vực này. Mật độ sông suối trung bình, nhưng Môduyn dòng chảy trung bình năm của toàn lưu vực >30 l/s.km², chế độ dòng chảy trong năm tương đối điều hòa chứng tỏ một trong các lưu vực còn giữ được thảm phủ. Với chế độ thủy văn như vậy nên cần có biện pháp thủy lợi thích hợp giữ lấy nguồn nước mặt cho mùa khô. Mật độ sông suối bình quân 0,35-0,4 km/km², các suối chính trên địa bàn huyện Đắk Mil phần lớn chảy theo hướng Nam - Bắc rồi đổ vào sông Srêpôk. Có 2 lưu vực suối lớn là suối Đắk Dam và suối Đắk Sôr, đường quốc lộ 14 gần như là đường phân thủy của 2 lưu vực suối này.

- Suối Đắk Đăm chảy dọc từ phía Nam lên phía Bắc theo biên giới phía Tây huyện (biên giới 2 nước Việt Nam - Campuchia), tuy nhiên nguồn nước này hầu như không khai thác sử dụng cho phát triển kinh tế xã hội của huyện, do là dòng suối làm

biên giới quốc gia và đất đai chủ yếu là rừng tự nhiên nên ít tác động đến dòng suối này.

- Suối Đăk Sôr là dòng suối chảy ở ranh giới phía Đông giáp với huyện Krông Nô, lưu vực nằm về phía Nam quốc lộ 14, suối Đăk Sôr do các suối Đăk Môt, Đăk Săk, Đăk R'La hợp thành, phần lớn đất sản xuất của huyện nằm trên lưu vực suối Đăk Sôr, ở đầu nguồn đã xây dựng nhiều hồ đập tưới cho cây trồng như hồ núi lửa, Hồ Tây, Hồ Đăk Môt, Đăk Săk,...đây là dòng suối cung cấp nước cho sản xuất nông nghiệp của huyện.

1.1.2. Các nguồn tài nguyên

1.1.2.1. Tài nguyên đất

Căn cứ vào bản đồ đất tỉnh Đăk Nông tỷ lệ 1/10-0 cho thấy trên địa bàn huyện Đăk Mil gồm 05 nhóm đất chính với 11 chú dẫn đơn vị bản đồ đất theo hệ thống phân loại của FAO/WRB.

Biểu 01: Phân loại và quy mô các nhóm, loại đất huyện Đăk Mil

Stt	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN TOÀN HUYỆN			67.901,69	100,00
I	NHÓM ĐẤT THUNG LŨNG	D	528,99	0,78
1	Đất thung lũng do sản phẩm dốc tụ	D	528,99	0,78
II	NHÓM ĐẤT ĐỎ VÀNG	F	40.102,44	59,06
2	Đất nâu đỏ trên đá macma bazơ và trung tính	Fk	28.254,48	41,61
3	Đất nâu vàng trên đá macma bazơ và trung tính	Fu	9.304,55	13,70
4	Đất đỏ vàng trên đá sét và đá biến chất	Fs	1.516,56	2,23
5	Đất vàng đỏ trên đá macma acid	Fa	1.026,85	1,51
III	NHÓM ĐẤT PHÙ SA	P	693,9	1,02
6	Đất phù sa	Py	693,9	1,02
IV	NHÓM ĐẤT ĐEN	R	20.092,22	29,59
7	Đất đen trên sản phẩm bồi tụ của bazan	Rk	6.000,44	8,84
8	Đất nâu thẫm trên sản phẩm đá bọt, ba zan	Ru	14.091,78	20,75
V	NHÓM ĐẤT XÁM	X	4.715,46	6,94
9	Đất xám trên macma acid	Xa	1.153,46	1,70
10	Đất xám trên đá cát	Xq	2.716,86	4,00
11	Đất xám trên nền phù sa cổ	X	845,14	1,24
VI	MẶT NƯỚC, SÔNG SUỐI, AO HỒ		1.768,68	2,60

* Nguồn: Kết quả điều tra thành lập bản đồ đất tỉnh Đăk Nông năm 2005- Viện QH và Thiết kế Nông nghiệp.

Kết quả tại bảng trên cho thấy trong 05 nhóm đất tại huyện nhóm đất đỏ vàng chiếm diện tích lớn nhất với khoảng 59,06% DTTN, kế đến là nhóm đất đen với khoảng 30% DTTN, nhóm đất xám với khoảng 6,94% DTTN, nhóm đất phù sa với khoảng 1,02% DTTN, các nhóm đất dốc tụ là 0,78% DTTN và diện tích mặt nước chiếm khoảng 1,36%.

1.1.2.2. Tài nguyên nước

a. Nguồn nước mặt:

- Nguồn nước mặt bao gồm sông suối và các hồ chứa nước, tuy nhiên do đặc điểm địa hình nguồn nước mặt trên địa bàn phân bố không đều: Khu vực phía Nam và Tây Nam huyện có nguồn nước khá phong phú của hệ thống sông suối và hồ đập với 41 công trình đã xây dựng; Khu vực phía Bắc và Đông Bắc nguồn nước ít hơn, khu vực này mật độ sông suối thấp, hệ thống hồ đập ít vì vậy thường thiếu nước vào mùa khô làm ảnh hưởng đến cây trồng.

b. Nguồn nước ngầm:

- Khả năng khai thác nước dưới đất ở các vùng như sau: Vùng Thuận An, Đức Minh, Đức Mạnh, Đắk Lao, Đắk Sắk nước dưới đất khá phong phú có thể khai thác nước tập trung năng suất ở mỗi vùng từ 1.500 - 3.000m³/ngày; Vùng Đắk Gằn nước ngầm khan hiếm tại các vùng này có khả năng khai thác khoảng 1.000 - 1500m³/ngày.

1.1.2.3. Tài nguyên rừng

- Theo thống kê hiện trạng sử dụng đất năm 2023, diện tích đất lâm nghiệp của huyện có 19.937,50 ha. Trong đó: Rừng phòng hộ có 2.408,71 ha và rừng sản xuất có 17.528,79 ha (trong đó đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên 17.419,05ha). Rừng tự nhiên ở Đắk Mil đa phần là rừng thứ sinh với rất ít loài thuộc loại gỗ quý hiếm; Rừng trồng chủ yếu là rừng keo nguyên liệu,... Độ che phủ đạt khoảng 33,37%.

1.1.2.4. Tài nguyên khoáng sản

Kết quả điều tra thăm dò quy hoạch khai thác khoáng sản trên địa bàn huyện Đắk Mil có các loại chính là đá Bazan, ngoài ra qua tìm kiếm bước đầu đã phát hiện trên địa bàn xã Đắk Lao có mỏ đá quý (Opal) với địa tầng chứa quặng tồn tại trong tầng bazan, đang tiến hành thăm dò tìm kiếm và đánh giá sơ bộ về trữ lượng; than bùn có ở xã Thuận An, trữ lượng không đáng kể.

1.1.2.5. Tài nguyên nhân văn và du lịch

Với 20 dân tộc sinh sống, có nguồn gốc từ nhiều tỉnh trong cả nước đến sinh sống lập nghiệp mang theo các phong tục tập quán phong phú từ các vùng, miền đã hình thành nên nét văn hoá đa dạng.

Trên địa bàn huyện có nhiều khả năng để phát triển du lịch; có nhiều hồ thủy lợi kết hợp cảnh quan và nhiều cảnh quan rừng tự nhiên còn khá phong phú có thể xây dựng và phát triển thành các khu du lịch hấp dẫn.

1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội năm 2024

(Nguồn: Báo cáo số 961/BC-UBND ngày 08/12/2023 của UBND huyện Đắk Mil Đánh giá báo cáo tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2023 và xây dựng kế hoạch năm 2024).

Tình hình kinh tế - xã hội năm 2023 tiếp tục phát triển khá toàn diện trên các lĩnh vực, các chính sách, an sinh xã hội được thực hiện đầy đủ, kịp thời. Trước tình hình đó, thực hiện nghiêm các chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh, Huyện ủy, HĐND huyện giao; UBND huyện đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành thực

hiện phòng, chống, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh, tập trung xem xét, giải quyết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp nhằm thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội và đời sống của người dân. Với tinh thần đoàn kết, sự quyết tâm, nỗ lực của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và toàn thể nhân dân trên địa bàn huyện, bằng các giải pháp sáng tạo, linh hoạt, đồng bộ, đẩy mạnh hoạt động sản xuất, kinh doanh, tạo động lực khôi phục và phát triển kinh tế, vì vậy tình hình kinh tế - xã hội năm 2023 cơ bản vẫn giữ được ổn định và đạt được những kết quả khá toàn diện.

1.2.1. Lĩnh vực kinh tế

- Tăng trưởng kinh tế GRDP (theo giá cố định 2010): 9,39%. Nông, lâm nghiệp và thủy sản xấp xỉ đạt 3%; Công nghiệp - xây dựng trên 12%; Thương mại - dịch vụ 12%.

- Cơ cấu kinh tế (giá hiện hành): Nông, lâm nghiệp và thủy sản 33,42%; Công nghiệp - xây dựng 23,41%; Thương mại - dịch vụ 43,17% (riêng khu vực thuế do chỉ chiếm giá trị nhỏ nên ở cấp huyện tính chung vào khu vực thương mại - DV).

- Tổng giá trị sản phẩm 14.387 tỷ đồng. Thu nhập bình quân đầu người/GRDP: 69,75 triệu đồng.

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội: 2.559 tỷ đồng. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện 139,378 tỷ đồng.

- Xây dựng nông thôn mới: 01 xã nông thôn mới, 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

- Hạ tầng kỹ thuật - môi trường: Tỷ lệ nhựa hoá, bê tông hóa đường huyện 77%, đường xã 98%, đường đô thị 87%, đường thôn 92%. Đảm bảo nguồn nước cho 83% diện tích cây trồng có nhu cầu tưới; Tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước sạch 83%; Tỷ lệ dân cư đô thị sử dụng nước sạch 98,8%; Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom xử lý 98,5%; Tỷ lệ chất thải rắn ở nông thôn được thu gom xử lý 57%; Tỷ lệ hộ được sử dụng điện 99,2%. Độ che phủ rừng 33,94%.

- Dân số trung bình đạt 105.263 người, tốc độ tăng dân số tự nhiên 1,17%. Có 19,1 giường bệnh/vạn dân; Có 7,08 bác sỹ/vạn dân; 100% xã đạt tiêu chuẩn quốc gia về y tế; Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng 16,5%; Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 93%.

- Lao động và việc làm: Số lao động được giải quyết việc làm 4.181 người; Đào tạo nghề 1.654 người; Tỷ lệ lao động qua đào tạo 41%; Giảm tỷ lệ hộ nghèo.

- Tỷ lệ trẻ 05 tuổi đi học mẫu giáo 99,4%; Số trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia đạt 02 trường; Tỷ lệ học sinh đi học: THPT 76,8%, THCS 97,7%, TH 99,7%.

- Tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu văn hóa 88%; Tỷ lệ thôn, bon, tổ dân phố văn hóa 96,15% ; Tỷ lệ xã, thị trấn văn hóa 90%. Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đạt danh hiệu văn hóa 96,5%.

- Giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh; Gợi công dân nhập ngũ 100% được giao.

1.2.2. Thực trạng phát triển các ngành kinh tế, lĩnh vực

1.2.2.1. Khu vực kinh tế Nông nghiệp và phát triển nông thôn

- Tổng diện tích gieo trồng đạt 49.807 ha/49.812ha KH, đạt 99,9% so với kế hoạch 2023 và bằng 100,2% so với cùng kỳ năm trước. Diện tích gieo trồng cây hàng năm đạt 15.600 ha/15.604 ha KH, đạt 100% so với kế hoạch. Diện tích trồng cây lâu năm khoảng 34.207 ha/34.208 ha KH, đạt 100% so với kế hoạch, bằng 102,6% so với cùng kỳ năm trước.

- Tổng sản lượng lương có hạt ước đạt 56.066 tấn, đạt 100,2% kế hoạch, bằng 94,7% so với cùng kỳ năm trước.

- Công tác phòng, chống dịch bệnh động vật được triển khai quyết liệt, đồng bộ theo quy định từ cấp huyện đến cấp xã, thôn, cơ bản đã ngăn chặn, hạn chế được một số loại dịch bệnh động vật nguy hiểm xâm nhập và lây lan trên địa bàn huyện; công tác tiêu độc, khử trùng, tiêm phòng vắc xin cho gia súc, gia cầm đã được triển khai đúng kế hoạch của UBND tỉnh, đạt và xấp xỉ đạt chỉ tiêu theo kế hoạch đề ra. Tổng đàn gia súc, gia cầm trên toàn huyện có khoảng:

- 830.315 con/828.761con, đạt 100,18% so với kế hoạch, bằng 107,16% so với cùng kỳ năm trước, sản lượng thịt hơi đạt: 4.645 tấn; số trang trại chăn nuôi gia súc, gia cầm hiện có: 36 trang trại, tăng 03 trang trại so với năm 2022. Từ đầu năm đến nay, trên địa bàn huyện xảy ra một ổ Dịch tả lợn Châu Phi tại thôn Tây Sơn, xã Long Sơn, với tổng số lượng lợn đã tiêu hủy là: 01 con, tổng trọng lượng: 60 kg.

- Năm 2023, có 10 sản phẩm tham gia đánh giá xếp hạng sản phẩm OCOP, kết quả: có 07 sản phẩm đạt 3 sao do UBND huyện công nhận, 02 sản phẩm đề nghị UBND tỉnh công nhận 4 sao và 01 sản phẩm chưa đủ điều kiện đánh giá. Ngoài ra, có 03 sản phẩm OCOP đến thời hạn đánh giá lại nhưng không tham gia đánh giá. Lũy kế tổng số sản phẩm OCOP trên địa bàn có 14 sản phẩm của 12 chủ thể trên địa bàn 06 xã, thị trấn Đăk Mil.

- Trên địa bàn huyện đã được UBND tỉnh công nhận vùng sản xuất cà phê ứng dụng công nghệ cao, năm 2023 có thêm Vùng sản xuất Xoài ứng dụng công nghệ cao xã Đăk Găn được công nhận (đã được Hội đồng thẩm định của tỉnh thông qua, đang trình UBND tỉnh quyết định công nhận) với diện tích 343ha, có 03 tổ chức (HTX nông nghiệp thương mại - dịch vụ Xoài Đăk Găn, Hội Xoài Đăk Găn và THT Xoài Đăk Găn) và 254 hộ tham gia.

- Chỉ đạo các phòng, đơn vị chuyên môn, địa phương tuyên truyền, hướng dẫn người dân mở rộng sản xuất gắn với liên kết theo chuỗi giá trị, thành lập các HTX, THT. Rà soát, đánh giá, phân loại giải thể hoặc sát nhập các Hợp tác xã nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các Hợp tác xã. Tính đến nay, trên địa bàn huyện có: 20 Hợp tác xã và 20 Tổ hợp tác hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, bao gồm (10 Hợp tác xã đang hoạt động, 10 ngừng hoạt động đang chờ giải thể). Năm 2023, số HTX mới thành lập 03 HTX (HTX Ngô Xuân, HTX nông nghiệp Thọ Minh, HTX nuôi ong 312); số HTX giải thể: 02 HTX (HTX Nông nghiệp Ngọc Hồng Đăk Mil, HTX Nông nghiệp Công Bình).

- Công tác bảo vệ rừng được chú trọng, thường xuyên tổ chức tuần tra, kiểm soát, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm trái với các quy định của pháp luật, đặc biệt là tại các khu vực có nguy cơ xảy ra phá rừng, lấn, chiếm rừng,

khai thác, mua, bán, vận chuyển, tàng trữ lâm sản trái pháp luật, qua đó góp phần đảm bảo tình hình an ninh trật tự trên địa bàn. Trong năm 2023, trên địa bàn huyện không xảy ra các vụ vi phạm về Luật lâm nghiệp; lập biên bản xử lý 05 vụ vi phạm trong lĩnh vực lâm nghiệp, số tiền xử phạt hành chính: 1.500.000 đồng, tăng 03 vụ với năm 2022.

- Công tác phát triển rừng: Diện tích phát triển rừng năm 2023 trên địa bàn huyện Đắk Mil là: 27,254ha; trong đó: trồng rừng tập trung: 1,664ha/1,56ha KH; trồng nông lâm kết hợp: 0ha/2,55ha KH; trồng cây phân tán: 2,95ha/14ha KH, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh: 8,64ha/8,64ha KH và trồng rừng ngoài kế hoạch UBND tỉnh giao, Nông lâm kết hợp 14ha. Tổ chức Lễ phát động “Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ” nhân kỷ niệm 133 năm ngày sinh nhật Bác 19/5/1890 -19/5/2023, với số cây đã trồng được là: 2.950 cây (sao đen). Công tác quản lý bảo vệ rừng, chống cháy rừng trong mùa khô được đảm bảo. Độ che phủ rừng đạt: 33,94% (NQ33,5%).

- Thường xuyên phối hợp kiểm tra, theo dõi mức nước ở các hồ đập thủy lợi, chủ động xây dựng phương án phòng chống hạn hán, ứng phó với tình hình mưa lũ, ngập úng trên địa bàn huyện. Năm 2023, xảy ra mưa lớn làm hư hỏng, sạt lở các tuyến đường giao thông trên địa bàn xã Đắk Gắn, ước tính thiệt hại khoảng 500 triệu đồng; thiệt hại do lốc xoáy gây ra trên địa bàn xã Đắk N’Drot6, với tổng giá trị thiệt hại: 241,840 triệu đồng.

- Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới: Tính đến nay, đã có 07/09 xã đạt chuẩn nông thôn mới theo bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020. Dự kiến, đến hết năm 2023 có thêm 01 xã (Đắk Gắn) đạt chuẩn nông thôn mới (luỹ kế trên địa bàn có 8/9 xã đạt chuẩn nông thôn mới) và 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (xã Đức Minh, xã Thuận An). Đối với xã Long Sơn (đạt 13/19 tiêu chí) do còn gặp nhiều khó khăn về cơ sở hạ tầng, thu nhập, hình thức tổ chức sản xuất, môi trường sẽ tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đạt chuẩn xã nông thôn mới vào năm 2024. Ước giải ngân nguồn vốn đến ngày 31/12/2023 đạt 100% kế hoạch vốn đã phân bổ năm 2023 và nguồn vốn kéo dài năm 2022 sang năm 2023.

1.2.2.2. Công nghiệp, xây dựng

Ngành công nghiệp có bước phát triển khá, khai thác và phát huy tốt các tiềm năng về công nghiệp chế biến nông, lâm sản, công nghiệp nhẹ và năng lượng, từng bước trở thành ngành kinh tế động lực cho phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của huyện theo định hướng. Tổng giá trị gia tăng ngành công nghiệp - xây dựng năm 2023 theo giá cố định 2010 ước đạt 1.441 tỷ đồng, đạt kế hoạch (tăng 9,2% so với năm 2022).

Công tác lập Quy hoạch chung đô thị Đắk Mil đến năm 2035 cơ bản đã hoàn thành, tuy nhiên, chưa được cơ quan có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt. Hạ tầng giao thông từng bước được đầu tư xây dựng, những công trình giao thông trọng điểm của huyện, các tuyến đường đô thị, các trục đường nội tổ dân phố, các trục đường xã, thôn bon,...được đầu tư, nâng cấp, sửa chữa cùng với việc thực hiện 03 chương trình MTQG đã góp phần nâng cao tỷ lệ nhựa hoá đường huyện, đường xã và đường thôn, bon. Trong năm 2023 đã cấp được 184 giấy phép xây dựng nhà ở và các công trình khác cho các hộ gia đình trên địa bàn quy hoạch đô thị Đắk Mil (giảm 21,7% so với cùng kỳ năm 2022).

1.2.2.3. Thương mại dịch vụ

Hoạt động thương mại và dịch vụ được mở rộng, có bước phát triển nhanh, lượng hàng hoá phong phú, đa dạng về chủng loại, chất lượng ngày càng cao hơn, đáp ứng nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của nhân dân; tổng mức lưu chuyển hàng hoá bán lẻ năm 2023 ước tăng 15% so với cùng kỳ năm 2022; Giá mặt hàng nông sản Hồ tiêu, Cà phê có bước chuyển biến tích cực; Hoạt động lưu trú, ăn uống, tăng cao trong dịp Lễ, Tết.

Về giá trị gia tăng ngành thương mại và dịch vụ năm 2023 theo giá cố định 2010 ước đạt 2.391 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch (tăng 11,94% so với năm 2022). Trong năm 2023 cùng với sự phát triển của chuyển đổi số đã hình thành các hình thức kinh doanh, dịch vụ trên nền tảng công nghệ số; phối hợp với Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh triển khai 01 đề án hỗ trợ đầu tư ứng dụng máy móc thiết bị vào sản xuất cho 01 cơ sở chế biến cà phê bột trên địa bàn huyện với tổng kinh phí thực hiện 680 triệu đồng.

Phối hợp với các sở, ngành hỗ trợ, hướng dẫn các doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh đăng ký, tham gia các hội chợ, xúc tiến tiêu thụ sản phẩm, hỗ trợ máy móc, thiết bị trong sản xuất, chế biến cà phê, gỗ, nông sản,... Khuyến khích các ngân hàng, chi nhánh ngân hàng trên địa bàn huyện tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp, người dân tiếp cận nguồn vốn vay tín dụng ưu đãi để phục hồi và phát triển sản xuất kinh doanh.

1.2.3. Công tác quản lý và sử dụng đất đai

* Công tác quy hoạch sử dụng đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, chuyển mục đích sử dụng đất:

- Công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Tính đến nay hồ sơ hiện có 344 hộ với 344 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với diện tích 65.477,3m²; 12 hồ sơ còn lại trong hạn đang xử lý theo quy định.

- Chuyển mục đích sử dụng đất: Tiếp nhận và xử lý là 362 hồ sơ và xử lý được 350 hồ sơ với diện tích 355,07ha; trong đó 0,35ha đất ở, 354,72ha đất nông nghiệp; 12 hồ sơ còn lại trong hạn đang xử lý theo quy định.

* Công tác thu hồi, bồi thường GPMB: Thu hồi 126.224,6 m² đất của 74 của hộ gia đình, cá nhân và 1 tổ chức xây dựng công trình phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn huyện. Thông báo thu hồi đất và phê duyệt Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm phục vụ công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, GPMB các công trình. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB đối với 7 công trình, dự án với tổng số tiền 15,830 tỷ đồng.

Phê duyệt giá đất cụ thể để làm căn cứ tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất thực hiện các dự án: Hồ súi 38, tỉnh Đắk Nông; Chốt dân quân thường trực xã Đắk Lao, Thuận An; Bãi rác xã Đắk N'Drot, Đường giao thông xã Đức Minh đi xã Đức Mạnh huyện Đắk Mil (Đ16),...

* Lĩnh vực khoáng sản: Phát hiện 07 trường hợp khai thác khoáng sản trái phép, trong đó có 06 trường hợp đã xử phạt vi phạm hành chính về hành vi khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp mà không có giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền với số tiền 181,176 triệu đồng và tịch thu 300m³ đá; tổ chức bán đấu giá theo quy định, 01 trường hợp tại thôn Đức Bình, xã Đức Mạnh hiện Công an tỉnh Đắk Nông đang xử lý, cụ thể .

*Lĩnh vực đất đai: Phát hiện 04 trường hợp vi phạm trong lĩnh vực đất đai (về hành vi làm biến dạng địa hình hoặc làm suy giảm chất lượng đất), xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 42,5 triệu.

*Lĩnh vực môi trường: Qua kết quả kiểm tra về môi trường, UBND huyện đã tiến hành xử lý vi phạm hành chính đối với 02 hộ gia đình, cá nhân vi phạm về hành vi gây ô nhiễm môi trường với số tiền là 110,412 triệu đồng và buộc khắc phục tình trạng gây ô nhiễm. Thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường; Kế hoạch quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác năm 2023; tiến hành kiểm tra liên ngành về quản lý khoáng sản chưa khai thác; kiểm tra việc chuyển mục đích sử dụng trái phép; ... Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Nước thế giới, Ngày Khí tượng thế giới và Giờ Trái đất năm 2023.

*Công tác quản lý đất công: UBND huyện đã giao cho Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất, UBND các xã, thị trấn quản lý các khu đất công của huyện, công tác quản lý đất công cơ bản đảm bảo. Trong năm 2023 bổ sung thêm quỹ đất công cho UBND xã Đức Minh quản lý.

1.2.4. Dân số, lao động và việc làm

Theo kết quả điều tra xã hội hiện nay, dân số huyện có 105.263 người. Số lao động được tạo việc làm 4.518 người; đào tạo nghề: 2.278 người; Tỷ lệ lao động qua đào tạo 41%.

1.2.5. An ninh – Quốc phòng

Thường xuyên quán triệt, nắm vững đường lối quốc phòng – quân sự của Đảng, Nhà nước; chăm lo xây dựng các tiềm lực quân sự, quốc phòng vững mạnh. Thực hiện tốt công tác bồi dưỡng, giáo dục kiểm thức quốc phòng – an ninh cho các đối tượng, qua đó nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và Nhân dân về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới.

Tuyên truyền vận động nhân dân tích cực tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, các chương trình Quốc gia phòng chống tội phạm, phòng chống ma túy.

1.3. Đánh giá chung

1.3.1. Thuận lợi

- Vị trí địa lý khá thuận lợi, huyện Đăk Mil nằm trên trục quốc lộ 14 giữa với thành phố Buôn Ma Thuột, Thành phố Gia Nghĩa, có mạng lưới giao thông khá phát triển và đã được đầu tư nhựa hóa với tỷ lệ khá cao so với các huyện lân cận.

- Nhìn chung kinh tế huyện đã có bước phát triển nhất định, quy mô từng bước được mở rộng, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tiến bộ; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được chú trọng đầu tư đúng mực, đặc biệt là hệ thống giao thông, điện, nước, trường học, bệnh viện,... đang được tiếp tục quan tâm, từng bước đưa nông thôn phát triển theo hướng Công nghiệp hóa - Hiện đại hóa, đời sống đại bộ phận dân cư tăng lên rõ rệt, bộ mặt nông thôn ngày càng đổi mới.

- Tình hình thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện Đăk Mil đã đạt được một số kết quả nhất định; tiến độ thu ngân sách cơ bản bám sát theo kế hoạch đề ra; công tác thu hút đầu tư được đẩy mạnh; công tác thông tin, tuyên truyền, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục - thể thao được triển khai sâu rộng với nhiều hình thức đa dạng, phong phú; các lễ hội, giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn được quan tâm bảo tồn, phát huy; công tác chăm lo, giải quyết chế độ cho các đối tượng chính sách, đồng bào dân tộc thiểu số được thực hiện kịp thời; chất lượng công tác giáo dục và đào tạo, chăm sóc sức khỏe Nhân dân ngày càng được nâng cao; tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, ổn định; công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện đảm bảo đúng quy định.

1.3.2. Hạn chế

- Kinh tế phát triển khá nhưng chưa vững chắc. Nền kinh tế của huyện chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, phụ thuộc nhiều vào điều kiện thời tiết. Thực hiện tái cơ cấu ngành còn chậm. Tỷ trọng chăn nuôi trong nông nghiệp tuy có bước phát triển khá nhưng chưa đạt được mục tiêu đề ra. Phát triển kinh tế tập thể còn khó khăn, chưa có nhiều hợp tác xã thực hiện hiệu quả.

- Phát triển ngành công nghiệp gặp nhiều khó khăn, cơ sở sản xuất công nghiệp tăng chậm, quy mô sản xuất nhỏ, chất lượng một số sản phẩm chưa đáp ứng được nhu cầu của thị trường. Hoạt động xúc tiến thương mại còn hạn chế, phát triển du lịch chưa tương xứng với tiềm năng; thương mại, dịch vụ còn nhỏ lẻ. Các dự án kêu gọi đầu tư triển khai chậm, ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của huyện.

- Công tác quản lý, thực hiện quy hoạch sử dụng đất đai còn bất cập; quản lý đất đai, có nơi chưa chặt chẽ. Tình trạng lấn chiếm, chuyển mục đích sử dụng, làm nhà ở trái phép trên đất nông nghiệp còn xảy ra. Công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đo đạc chỉnh lý biến động đất đai vẫn còn thiếu sót, một số trường hợp gây bức xúc trong Nhân dân. Quản lý tài nguyên nước, bảo vệ môi

trường một số nơi chưa chặt chẽ; một số cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường nhưng xử lý chưa triệt để, còn để kéo dài.

PHẦN II
KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023

2.1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023

Căn cứ kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Đắk Mil đã được phê duyệt tại Quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 25/7/2023 của UBND tỉnh Đắk Nông. Trên cơ sở kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2023, kết quả thực hiện các chỉ tiêu như sau:

Bảng 1: Kết quả thực hiện chỉ tiêu sử dụng đất năm 2023

STT	Chỉ tiêu	Mã	Hiện trạng đến 31/12/2022 (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2023		Hiện trạng sử dụng đất năm 2023		
				Kế hoạch 2023 được duyệt (ha)	Tăng, giảm để thực hiện dự án (ha)	Diện tích (ha)	So sánh	
							Tăng, giảm để thực hiện dự án (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)=(7)-(4)	(9)=(8)/(6)*100
1	Đất nông nghiệp	NNP	63.320,42	62.835,50	-484,92	63.277,05	-43,37	8,94
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1.128,04	1.119,02	-9,02	1.128,03	-0,01	0,12
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>711,95</i>	<i>710,26</i>	<i>-1,69</i>	<i>711,94</i>	<i>-0,01</i>	<i>0,59</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	4.042,75	3.904,58	-138,17	4.042,61	-0,14	0,10
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	37.847,20	37.263,08	-584,12	37.803,97	-43,23	7,40
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	2.408,29	2.408,29	-	2.408,29	-	-
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	-	-	-	-	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	17.508,93	17.504,03	-4,90	17.508,93	-	-
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>17.419,05</i>	<i>17.419,05</i>	<i>-</i>	<i>17.419,05</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	234,18	232,73	-1,45	234,18	-	-
1.8	Đất làm muối	LMU	-	-	-	-	-	-
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	151,04	403,78	252,74	151,04	-	-
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	4.511,72	5.023,15	511,43	4.555,10	43,38	8,48
	<i>Trong đó:</i>							
2.1	Đất quốc phòng	CQP	359,50	408,38	48,88	360,67	1,17	2,38
2.2	Đất an ninh	CAN	8,12	10,36	2,24	8,99	0,87	38,75
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	-	-	-	-	-	-
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	24,50	24,50	-	24,50	-	-

STT	Chỉ tiêu	Mã	Hiện trạng đến 31/12/2022 (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2023		Hiện trạng sử dụng đất năm 2023		
				Kế hoạch 2023 được duyệt (ha)	Tăng, giảm để thực hiện dự án (ha)	Diện tích (ha)	So sánh	
							Tăng, giảm để thực hiện dự án (ha)	Tỷ lệ (%)
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	16,56	17,53	0,97	17,42	0,86	88,87
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	16,26	45,36	29,10	16,25	-0,01	0,02
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	3,42	3,42	-	3,42	-	-
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	35,32	97,80	62,48	35,32	-	-
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh	DHT	2.272,12	2.597,47	325,35	2.307,26	35,14	10,80
	<i>Trong đó:</i>							
-	Đất giao thông	DGT	1.289,03	1.378,17	89,14	1.295,11	6,08	6,82
-	Đất thủy lợi	DTL	715,90	940,74	224,84	742,73	26,83	11,93
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	2,78	2,78	-	2,78	-	-
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	6,96	7,10	0,14	6,91	-0,05	35,00
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	58,88	58,75	-0,13	58,75	0,13	100,00
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	14,28	14,26	-0,02	14,26	-0,02	80,00
-	Đất công trình năng lượng	DNL	34,64	35,34	0,70	34,74	0,10	14,29
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,46	0,46	-	0,45	-0,01	-
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	-	-	-	-	-	-
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	4,60	4,60	-	4,60	-	-
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	5,97	16,16	10,19	7,97	2,00	19,63
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	40,10	40,77	0,67	40,60	0,50	75,07
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	93,95	93,82	-0,13	93,82	-0,13	100,00
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH	-	-	-	-	-	-
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	0,38	0,38	-	0,38	-	-
-	Đất chợ	DCH	4,20	4,15	-0,05	4,16	-0,04	85,11

STT	Chỉ tiêu	Mã	Hiện trạng đến 31/12/2022 (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2023		Hiện trạng sử dụng đất năm 2023		
				Kế hoạch 2023 được duyệt (ha)	Tăng, giảm để thực hiện dự án (ha)	Diện tích (ha)	So sánh	
							Tăng, giảm để thực hiện dự án (ha)	Tỷ lệ (%)
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-	-	-	-	-	-
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	6,64	7,14	0,50	7,06	0,42	84,35
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	6,98	12,06	5,08	6,98	-	-
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	636,72	680,03	43,31	641,11	4,39	10,14
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	67,03	68,05	1,02	67,45	0,42	41,18
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	12,99	14,48	1,49	14,76	1,77	118,91
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	4,60	4,60	-	4,59	-0,01	-
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	-	-	-	-
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,08	0,08	-	0,08	-	-
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.040,89	1.031,89	-9,00	1.039,24	-1,65	18,38
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	-	-	-	-	-	-
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-	-	-	-	-	-
3	Đất chưa sử dụng	CSD	69,55	43,05	-26,50	69,55	-	-

Theo quả thống kê đất đai năm 2023; kết quả thực hiện đến tháng 12/2023 theo báo cáo số liệu của phòng Tài nguyên và Môi trường.

a) Nhóm đất nông nghiệp:

Diện tích hiện trạng sử dụng đất năm 2022 có 63.320,42 ha. Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2023 là 62.835,50 ha, như vậy theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thì chỉ tiêu trong năm 2023 nhóm đất nông nghiệp giảm 484,92 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất nông nghiệp đến hết năm 2023 là 63.277,05 ha giảm 43,37 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Do đó, tỷ lệ thực hiện chỉ tiêu đất nông nghiệp chỉ đạt $(43,37/484,92)*100 = 8,94\%$ trong kế hoạch năm 2023.

Theo kế hoạch được duyệt năm 2023 diện tích đất nông nghiệp dự kiến giảm 484,92 ha để thực hiện các công trình dự án phi nông nghiệp. Tuy nhiên hiện nay kết quả thực hiện chuyển đổi từ đất nông nghiệp qua đất phi nông nghiệp là 29,12 ha, đạt 6,0% so với kế hoạch đã được duyệt. Trong đó chuyển qua các chỉ tiêu như: Đất giao thông 4,91 ha; Đất sinh hoạt cộng đồng 0,10 ha; Đất ở tại nông thôn 5,23 ha; Đất ở tại đô thị 0,42 ha....

Nguyên nhân do chưa thực hiện xong các công trình, dự án phi nông nghiệp sử dụng vào đất nông nghiệp theo kế hoạch được duyệt. Trong đó có một số công trình dự án lớn chưa thực hiện như: Hồ Đắc Gang, Hồ suối 38, Thao trường huấn luyện huyện Đắk Mil, Đường vành đai Hồ Tây (Giai đoạn 2); hạng mục: Vía hè, thoát nước, điện chiếu sáng (từ đường Nguyễn Du đến đường đi QL 14), Đường giao thông từ xã Đức Minh đi Đức Mạnh, huyện Đắk Mil (ĐT16), Đường giao thông từ cửa khẩu Đắk Per, Xã Thuận An đi Tỉnh lộ 3 (ĐT683) xã Đức Minh, huyện Đắk Mil (giai đoạn 1), Đường liên xã Đức Minh - Thuận An, huyện Đắk Mil, Dự án cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 2, Đường giao thông liên xã Đắk R'la đi xã Đắk N'Drot, huyện Đắk Mil.

Diện tích đất nông nghiệp cụ thể như sau

*** Đất trồng lúa:**

Diện tích hiện trạng sử dụng đất trồng lúa năm 2022 có 1.128,04 ha. Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2023 là 1.119,02 ha, như vậy theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thì chỉ tiêu đất trồng lúa trong năm 2023 giảm 9,02 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất trồng lúa đến hết năm 2023 là 1.128,03 giảm 0,01 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Do đó, tỷ lệ thực hiện chỉ tiêu đất trồng lúa chỉ đạt $(0,01/9,02)*100 = 0,12\%$ trong kế hoạch năm 2023.

Theo kế hoạch được duyệt, diện tích đất trồng lúa dự kiến giảm để thực hiện Đất trụ sở công an xã Long Sơn 0,1 ha, Đường giao thông từ cửa khẩu Đắk Per, Xã Thuận An đi Tỉnh lộ 3 (ĐT683) xã Đức Minh, huyện Đắk Mil (giai đoạn 1), Đường liên xã Đức Minh - Thuận An, huyện Đắk Mil, Hồ Đắc Gang (Hồ và hệ thống kênh sau lưu vực 1)... công trình dự án phi nông nghiệp. Kết quả chưa thực hiện hết.

*** Đất trồng cây hàng năm khác:**

Diện tích hiện trạng sử dụng đất trồng cây hàng năm khác năm 2022 có 4.042,75 ha. Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2023 là 3.904,58 ha, như vậy theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thì chỉ tiêu trong năm 2023 đất trồng cây hàng năm khác giảm 138,17 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất trồng cây hàng năm khác đến hết năm 2023 là 4.042,61 ha giảm 0,14 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Do đó, tỷ lệ thực hiện chỉ tiêu đất trồng cây

hàng năm khác chỉ đạt $(0,14/138,17)*100 = 0,10\%$ trong kế hoạch năm 2023.

Theo kế hoạch được duyệt, diện tích đất trồng cây hàng năm khác dự kiến giảm để thực hiện Đất nông nghiệp khác tại xã Đăk R'La, Khu đất sau trường Trần Hưng Đạo, Kêu gọi đầu tư thương mại dịch vụ (đất QH Bệnh viện Nam Tây Nguyên cũ), chuyển mục đích tại các xã, thị trấn. Kết quả chưa được thực hiện hết.

*** Đất trồng cây lâu năm:**

Diện tích hiện trạng sử dụng đất trồng cây lâu năm năm 2022 có 37.847,20 ha. Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2023 là 37.263,08 ha, như vậy theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thì chỉ tiêu trong năm 2023 đất trồng cây lâu năm giảm 584,12 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất trồng cây lâu năm đến hết năm 2023 là 37.803,97 giảm 43,23 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Do đó, tỷ lệ thực hiện chỉ tiêu đất trồng cây lâu năm chỉ đạt $(43,23/584,12)*100 = 7,40\%$ trong kế hoạch năm 2023.

Kết quả giảm 27,63 ha sang đất phi nông nghiệp khác. Diện tích đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất phi nông nghiệp để thực hiện chuyển qua các chỉ tiêu đất Quốc phòng 1,17 ha, đất an ninh 0,58 ha, đất thương mại 0,87 ha, đất hạ tầng 18,25 ha, đất sinh hoạt 0,1 ha, Đất ở tại nông thôn 4,24 ha; Đất ở tại đô thị 0,42 ha, đất trụ sở 2,00 ha.

Diện tích thực hiện chỉ đạt 4.73% do chưa thực công trình, dự án có diện tích lớn như: Hồ Đăk Gang, Hồ suối 38, Thao trường huấn luyện huyện Đăk Mil.....và do biến động trong thống kê đất đai trên địa bàn huyện.

*** Đất rừng phòng hộ:**

- Năm 2022 diện tích đất rừng phòng hộ là 2.408,29 ha;
- Diện tích đất rừng phòng hộ được phê duyệt trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 2.408,29 ha. Kết quả thực hiện 2.408,29, không thay đổi so với kế hoạch được phê duyệt. Diện tích được phê duyệt tại kế hoạch sử dụng đất năm 2023 không thay đổi so với hiện trạng đã được công bố tại Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 31/01/2023 về việc phê duyệt số liệu diễn biến rừng và đất quy hoạch phát triển rừng trên địa bàn huyện Đăk Mil đến ngày 31/12/2023.

*** Đất rừng sản xuất:**

- Năm 2022 diện tích đất rừng sản xuất là 17.508,93 ha;
- Diện tích đất rừng sản xuất được phê duyệt trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 17.504,03 ha. Kết quả thực hiện là 17.508,93 ha, thấp hơn 4,9 ha so với kế hoạch được duyệt.

- Theo kế hoạch được duyệt diện tích đất rừng sản xuất dự kiến giảm 4,80 ha để thực hiện công trình quốc phòng, kết quả chưa thực hiện.

- Đối với phần diện tích đất rừng sản xuất trên địa bàn huyện Đăk Mil, phần diện tích đất rừng sản xuất đang sử dụng kết hợp vào mục đích đất quốc phòng với 151,30 ha trên địa bàn xã Đăk Lao. Do đó phần diện tích đất rừng sản xuất thấp hơn so với Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 31/01/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Đăk Mil. Sau khi trừ diện tích đất rừng sử dụng kết hợp vào mục đích đất quốc phòng thì đất rừng sản xuất còn 17.508,93 ha, trong đó có diện tích đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên 17.417,06 ha.

- Diện tích thực tế đất rừng sản xuất năm 2023 thấp hơn kế hoạch được duyệt 6,01

ha so với kế hoạch được duyệt. Diện tích được phê duyệt tại kế hoạch sử dụng đất năm 2023 cao hơn hiện trạng đã được công bố tại Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 31/01/2023 về việc phê duyệt số liệu diễn biến rừng và đất quy hoạch phát triển rừng trên địa bàn huyện Đắk Mil đến ngày 31/12/2023.

*** Đất nuôi trồng thủy sản:**

Diện tích hiện trạng sử dụng đất nuôi trồng thủy sản năm 2022 có 234,18 ha. Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2023 là 232,73 ha, như vậy theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thì chỉ tiêu trong năm 2023 đất nuôi trồng thủy sản khác giảm 1,45 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất nuôi trồng thủy sản đến hết năm 2023 là 234,18 ha không thay đổi so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022.

- Theo kế hoạch được phê duyệt diện tích đất nuôi trồng thủy sản giảm để chuyển qua đất thủy lợi thực hiện công trình hồ Đắk Gang, đến nay chưa thực hiện.

*** Đất nông nghiệp khác:**

Diện tích hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp khác năm 2022 có 151,04 ha. Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2023 là 403,78 ha, như vậy theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thì chỉ tiêu trong năm 2023 đất nông nghiệp khác tăng 252,74 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất trồng nông nghiệp khác đến hết năm 2023 là 151,04 ha không thay đổi so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Do đó, tỷ lệ thực hiện chỉ tiêu đất trồng nông nghiệp khác chỉ đạt 0,00% trong kế hoạch năm 2023.

b) Đất phi nông nghiệp:

Diện tích hiện trạng sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2022 có 4.511,72 ha. Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2023 là 5.023,15 ha, như vậy theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thì chỉ tiêu trong năm 2023 đất trồng cây hàng năm khác tăng 511,43 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất phi nông nghiệp đến hết năm 2023 là 4.555,10 tăng 43,38 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Do đó, tỷ lệ thực hiện chỉ tiêu đất phi nông nghiệp chỉ đạt 8,48% trong kế hoạch năm 2023. Theo kế hoạch được duyệt năm 2023 diện tích đất phi nông nghiệp dự kiến tăng 511,43 ha để thực hiện các công trình dự án phi nông nghiệp. Kết quả thực hiện Thao trường huấn luyện huyện Đắk Mil 42,0 ha, Trụ sở công an xã Đức Minh 0,13 ha, Hạ tầng khu thương mại, dịch vụ và dân cư 6,7 ha, Tiểu Dự án nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước từ các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông 27,10 ha...Diện tích đất phi nông nghiệp cụ thể như sau:

*** Đất quốc phòng:**

Diện tích hiện trạng sử dụng đất quốc phòng năm 2022 có 359,50 ha. Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2023 là 408,38 ha, như vậy theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thì chỉ tiêu trong năm 2023 đất quốc phòng tăng 48,88 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất quốc phòng đến hết năm 2023 là 360,67 tăng 1,17 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Do đó, tỷ lệ thực hiện chỉ tiêu đất quốc phòng chỉ đạt $(1,17/48,88) \times 100 = 2,38\%$ trong kế hoạch năm 2023.

Diện tích tăng do thực hiện xong công trình Chốt chiến đấu Dân quân thường trực tại xã biên giới Thuận An, huyện Đắk Mil 0,87 ha, Chốt chiến đấu Dân quân thường trực tại xã biên giới Đắk Lao, huyện Đắk Mil 0,30 ha.

*** Đất an ninh:**

Diện tích hiện trạng sử dụng đất an ninh năm 2022 có 8,12 ha. Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2023 là 10,36 ha, như vậy theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thì chỉ tiêu trong năm 2023 đất an ninh tăng 2,24 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất an ninh đến hết năm 2023 là 8,99 tăng 0,87 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Do đó, tỷ lệ thực hiện chỉ tiêu đất an ninh chỉ đạt $(0,87/2,24) * 100 = 38,75\%$ trong kế hoạch năm 2023.

Diện tích tăng do thực hiện xong công trình Trụ sở công an xã Đắk N'Drot 0,2 ha, Trụ sở công an xã Đức Minh 0,13 ha, Trụ sở công an xã Đắk R'La 0,1 ha, Trụ sở công an xã Đắk Sắk 0,15 ha, Trụ sở công an xã Thuận An 0,14 ha, Trụ sở công an xã Đắk Lao 0,15 ha.

*** Đất thương mại dịch vụ:**

Diện tích hiện trạng sử dụng đất thương mại, dịch vụ năm 2022 có 16,56 ha. Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2023 là 17,53 ha, như vậy theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thì chỉ tiêu trong năm 2023 đất thương mại, dịch vụ tăng 0,97 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Kết quả thực hiện chỉ tiêu thương mại, dịch vụ đến hết năm 2023 là 17,42 tăng 0,86 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Do đó, tỷ lệ thực hiện chỉ tiêu thương mại, dịch vụ chỉ đạt $(0,86/0,97) * 100 = 88,87\%$ trong kế hoạch năm 2023.

Diện tích tăng do thực hiện xong công trình Mở rộng cây xăng Nam Tây Nguyên 0,87 ha.

*** Đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp:**

Diện tích hiện trạng sử dụng đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp năm 2022 có 16,26 ha. Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2023 là 45,36 ha, như vậy theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thì chỉ tiêu trong năm 2023 cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tăng 29,10 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp đến hết năm 2023 là 16,25 giảm 0,01 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022.

*** Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm:**

Diện tích hiện trạng sử dụng đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm năm 2022 có 35,32 ha. Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2023 là 97,80 ha, như vậy theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thì chỉ tiêu trong năm 2023 sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm tăng 62,48 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm đến hết năm 2023 là 35,32 không thay đổi so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022.

*** Đất phát triển hạ tầng:**

Diện tích hiện trạng sử dụng đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã năm 2022 có 2.272,12 ha. Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2023 là 2.597,47 ha, như vậy theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thì chỉ tiêu trong năm 2023 phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã tăng 325,35 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất phát triển hạ

tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã đến hết năm 2023 là 2.307,26 tăng 35,14 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Do đó, tỷ lệ thực hiện chỉ tiêu đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã chỉ đạt $(35,14/325,35)*100 = 10,80\%$ trong kế hoạch năm 2023.

*** Đất giao thông:**

Diện tích hiện trạng sử dụng đất giao thông năm 2022 có 1.289,03 ha. Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2023 là 1.378,17 ha, như vậy theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thì chỉ tiêu trong năm 2023 giao thông tăng 89,14 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất giao thông đến hết năm 2023 là 1.295,11 tăng 6,08 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Do đó, tỷ lệ thực hiện chỉ tiêu đất giao thông chỉ đạt $(6,08/89,14)*100 = 6,82\%$ trong kế hoạch năm 2023.

Diện tích tăng do thực hiện xong một phần công trình Đường vành đai Hồ Tây (Giai đoạn 2); hạng mục: Vĩa hè, thoát nước, điện chiếu sáng (từ đường Nguyễn Du đến đường đi QL 14) là 0,12 ha, Sửa chữa đường Nguyễn Tri Phương - Hai Bà Trưng (Giai đoạn 2) 0,78ha, Đường giao thông từ cửa khẩu Đắc Per, Xã Thuận An đi Tỉnh lộ 3 (ĐT683) xã Đức Minh, huyện Đắc Mil (giai đoạn 1) là 4,66 ha, Các trục đường nội đồng vùng sản xuất xoài xã Đắc Gắn 0,5 ha.

*** Đất thủy lợi:**

Diện tích hiện trạng sử dụng đất thủy lợi năm 2022 có 715,90 ha. Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2023 là 940,74 ha, như vậy theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thì chỉ tiêu trong năm 2023 thủy lợi tăng 224,84 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất thủy lợi đến hết năm 2023 là 742,73 ha tăng 26,83 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Do đó, tỷ lệ thực hiện chỉ tiêu đất thủy lợi chỉ đạt $(26,83/224,84)*100 = 11,93\%$ trong kế hoạch năm 2023.

Diện tích tăng do thực hiện xong một phần công trình Hồ Đắc Klo Ou, xã Đắc Lao 11,23 ha

*** Đất xây dựng cơ sở văn hóa:**

Diện tích hiện trạng sử dụng đất xây dựng cơ sở văn hóa năm 2022 có 2,78 ha. Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2023 là 2,78 ha, như vậy theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thì chỉ tiêu trong năm 2023 xây dựng cơ sở văn hóa không thay đổi so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất xây dựng cơ sở văn hóa đến hết năm 2023 là 2,78 ha không thay đổi so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022.

*** Đất cơ sở y tế:**

Diện tích hiện trạng sử dụng đất xây dựng cơ sở y tế năm 2022 có 6,96 ha. Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2023 là 7,10 ha, như vậy theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thì chỉ tiêu trong năm 2023 xây dựng cơ sở y tế tăng 0,14 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất xây dựng cơ sở y tế đến hết năm 2023 là 6,91 ha giảm 0,05 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022.

Diện tích giảm chuyên sang công trình Trụ sở công an xã Thuận An.

*** Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo:**

Diện tích hiện trạng sử dụng đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo năm 2022 có 58,88 ha. Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2023 là 58,75 ha, như vậy theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thì chỉ tiêu trong năm 2023 xây dựng cơ sở giáo dục và

đào tạo giảm 0,13 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo đến hết năm 2023 là 58,75 ha giảm 0,13 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Do đó, tỷ lệ thực hiện chỉ tiêu đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo chỉ đạt $(0,13/0,13) * 100 = 100,00\%$ trong kế hoạch năm 2023.

Diện tích giảm chuyển sang công trình Nhà văn hoá bản Cao Lạng 0,1 ha, Nhà văn hoá bản Tân Lập 0,03 ha.

*** Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao:**

Diện tích hiện trạng sử dụng đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao năm 2022 có 14,28 ha. Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2023 là 14,26 ha, như vậy theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thì chỉ tiêu trong năm 2023 xây dựng cơ sở thể dục thể thao giảm 0,02 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao đến hết năm 2023 là 14,26 ha giảm 0,02 so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022.

Diện tích giảm do chuyển sang công trình Mở rộng trạm y tế xã Đắc R'La 0,02 ha, Trạm y tế (khu dân cư số 2) 0,07 ha.

*** Đất công trình năng lượng:**

Diện tích hiện trạng sử dụng đất công trình năng lượng năm 2022 có 34,64 ha. Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2023 là 35,34 ha, như vậy theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thì chỉ tiêu trong năm 2023 công trình năng lượng tăng 0,70 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất công trình năng lượng đến hết năm 2023 là 34,74 tăng 0,10 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Do đó, tỷ lệ thực hiện chỉ tiêu đất công trình năng lượng chỉ đạt $(0,10/0,70) * 100 = 14,29\%$ trong kế hoạch năm 2023.

Diện tích tăng do thực hiện xong công trình, dự án Hoàn thiện lưới điện trung áp sau TBA 110KV Krông Nô 0,1 ha.

*** Đất bãi thải, xử lý chất thải:**

Diện tích hiện trạng sử dụng đất bãi thải, xử lý chất thải năm 2022 có 5,97 ha. Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2023 là 16,16 ha, như vậy theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thì chỉ tiêu trong năm 2023 bãi thải, xử lý chất thải tăng 10,19 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất bãi thải, xử lý chất thải đến hết năm 2023 là 7,97 ha tăng 2,00 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Do đó, tỷ lệ thực hiện chỉ tiêu đất bãi thải, xử lý chất thải chỉ đạt $(2,00/10,19) * 100 = 19,63\%$ trong kế hoạch năm 2023.

Diện tích tăng do thực hiện xong công trình, dự án Bãi rác xã Đắc N'Drot 2,0 ha.

Diện tích thực tế năm 2023 thấp hơn so với kế hoạch được duyệt do chưa thực hiện các công trình bãi thải, xử lý chất thải.

*** Đất cơ sở tôn giáo:**

Diện tích hiện trạng sử dụng đất cơ sở tôn giáo năm 2022 có 40,10 ha. Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2023 là 40,77 ha, như vậy theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thì chỉ tiêu trong năm 2023 cơ sở tôn giáo tăng 0,67 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất cơ sở tôn giáo đến hết năm 2023 là 40,60 ha tăng 0,50 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Do đó, tỷ lệ thực

hiện chỉ tiêu đất cơ sở tôn giáo chỉ đạt $(0,50/0,67) * 100 = 75,07\%$ trong kế hoạch năm 2023.

Diện tích tăng do thực hiện xong công trình, dự án CĐMĐ sử dụng đất đất tôn giáo tại GX Xuân Hòa 0,5 ha.

*** Đất sinh hoạt cộng đồng:**

Diện tích hiện trạng sử dụng đất Sinh hoạt cộng đồng năm 2022 có 6,64 ha. Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2023 là 7,14 ha, như vậy theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thì chỉ tiêu trong năm 2023 Đất Sinh hoạt cộng đồng tăng 0,50 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất Sinh hoạt cộng đồng đến hết năm 2023 là 7,06 ha tăng 0,42 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Do đó, tỷ lệ thực hiện chỉ tiêu đất Sinh hoạt cộng đồng chỉ đạt $(0,42/0,50) * 100 = 84,35\%$ trong kế hoạch năm 2023.

Diện tích tăng do thực hiện xong công trình, dự án nhà văn hóa xã Đắc Gắn.

*** Đất khu vui chơi, giải trí công cộng:**

Diện tích hiện trạng sử dụng đất Khu vui chơi, giải trí công cộng năm 2022 có 6,98 ha. Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2023 là 12,06 ha, như vậy theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thì chỉ tiêu trong năm 2023. Đất Khu vui chơi, giải trí công cộng tăng 5,08 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất Khu vui chơi, giải trí công cộng đến hết năm 2023 là 6,98 ha không thay đổi so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Do đó, tỷ lệ thực hiện chỉ tiêu đất.

*** Đất ở tại nông thôn:**

Diện tích hiện trạng sử dụng đất Ở tại nông thôn năm 2022 có 636,72 ha. Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2023 là 680,03 ha, như vậy theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thì chỉ tiêu trong năm 2023 đất Ở tại nông thôn tăng 43,31 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất Ở tại nông thôn đến hết năm 2023 là 641,11 ha tăng 4,39 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Do đó, tỷ lệ thực hiện chỉ tiêu đất Ở tại nông thôn chỉ đạt $(4,39/43,31) * 100 = 10,14\%$ trong kế hoạch năm 2023.

Diện tích tăng do thực hiện chuyển mục đích các xã trên địa bàn huyện.

Diện tích thực tế năm 2023 thấp hơn so với kế hoạch được duyệt do chưa thực hiện chuyển đổi mục đích sang đất ở tại nông thôn.

*** Đất ở tại đô thị:**

Diện tích hiện trạng sử dụng đất Ở tại đô thị năm 2022 có 67,03 ha. Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2023 là 68,05 ha, như vậy theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thì chỉ tiêu trong năm 2023 Đất Ở tại đô thị tăng 1,02 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất Ở tại đô thị đến hết năm 2023 là 67,45 ha tăng 0,42 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Do đó, tỷ lệ thực hiện chỉ tiêu đất Ở tại đô thị chỉ đạt $(0,42/1,02) * 100 = 41,18\%$ trong kế hoạch năm 2023.

Diện tích tăng do thực hiện chuyển mục đích trong thị trấn trên địa bàn huyện.

*** Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp:**

Diện tích hiện trạng sử dụng đất Xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp năm 2022 có 4,60 ha. Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2023 là 4,60 ha, như vậy theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thì chỉ tiêu trong năm 2023 Đất Xây dựng trụ sở của tổ

chức sự nghiệp không thay đổi so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất Xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp đến hết năm 2023 là 4,59 ha không thay đổi so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022.

*** Đất cơ sở tín ngưỡng:**

Diện tích hiện trạng sử dụng đất Cơ sở tín ngưỡng năm 2022 có 0,08 ha. Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2023 là 0,08 ha, như vậy theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thì chỉ tiêu trong năm 2023. Đất Cơ sở tín ngưỡng không thay đổi với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất Cơ sở tín ngưỡng đến hết năm 2023 là 0,08 ha không thay đổi so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022.

*** Đất sông ngòi, suối, kênh:**

Diện tích hiện trạng sử dụng đất Sông, ngòi, kênh, rạch, suối năm 2022 có 1.040,89 ha. Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2023 là 1.031,89 ha, như vậy theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thì chỉ tiêu trong năm 2023 Đất Sông, ngòi, kênh, rạch, suối giảm 9,00 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất Sông, ngòi, kênh, rạch, suối đến hết năm 2023 là 1.039,24 ha giảm 1,65 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Do đó, tỷ lệ thực hiện chỉ tiêu đất Sông, ngòi, kênh, rạch, suối chỉ đạt $(1,65/9,00) * 100 = 18,38\%$ trong kế hoạch năm 2023.

Diện tích giảm do chuyển sang công trình dự án Đường giao thông từ cửa khẩu Đắc Per, Xã Thuận An đi Tỉnh lộ 3 (ĐT683) xã Đức Minh, huyện Đắc Mil (giai đoạn 1) 1,65 ha,

c) Đất chưa sử dụng:

Diện tích hiện trạng sử dụng đất chưa sử dụng năm 2022 có 69,55 ha. Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2023 là 43,05 ha, như vậy theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thì chỉ tiêu trong năm 2023 Đất chưa sử dụng giảm 26,50 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022. Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất chưa sử dụng đến hết năm 2023 là không thay đổi so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022.

- Theo kế hoạch được duyệt năm 2023 diện tích đất chưa sử dụng dự kiến tăng để chuyển qua đất trồng cây lâu năm. Kết quả chưa thực hiện.

2.2. Đánh giá kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023

Bảng 2.2: Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Kế hoạch được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	Tăng giảm (+/-)	Tỷ lệ (%)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	511,42	43,38	-468,04	8,48
1,1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	9,02	0,01	-9,01	0,11
1,2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	27,6	0,14	-27,46	0,51
1,3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	468,45	43,23	-425,22	9,23
1,4	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	4,9	-	-4,9	-
1,5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	1,45	-	-1,45	-
2	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	-	-	-	-

Kết quả chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023 được thể hiện trong bảng trên, Cụ thể:

- Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp chỉ tiêu được duyệt là 511,42 ha, thực hiện 43,38 ha, diện tích chưa thực hiện 468,04 ha, thực hiện đạt 8,48%,

Trong đó:

+ Các chỉ tiêu đất nông nghiệp chưa thực hiện chuyển đổi mục đích sang đất phi nông nghiệp theo kế hoạch được duyệt bao gồm: đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản.

+ Chỉ tiêu đất nông nghiệp thực hiện chuyển đổi mục đích một phần sang đất phi nông nghiệp theo kế hoạch được duyệt bao gồm: Đất trồng lúa thực hiện chuyển đổi 0,01 ha/9,02 ha thực hiện 0,11%, đất trồng cây hàng năm khác thực hiện chuyển đổi 0,14 ha/27,6 ha thực hiện đạt 0,51%, đất trồng cây lâu năm thực hiện chuyển đổi 43,23 ha/468,45 ha, thực hiện đạt 9,23%.

2.3. Đánh giá kết quả thực hiện thu hồi đất năm 2023

Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của HĐND tỉnh về danh mục dự án phải thu hồi đất để phát triển KT-XH vì lợi ích quốc gia công cộng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2023;

Căn cứ vào Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông về Danh mục công trình dự án phải thu hồi đất để phát triển kinh tế - hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2022; Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 24/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc điều chỉnh tên dự án thu hồi đất và bổ sung danh mục các dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế - hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2023; Công trình dự án thu hồi đất thông qua tại Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 (30 danh mục), Kết quả thực hiện thu hồi đất trong năm 2023, như sau:

Bảng 2.3: Kết quả thực hiện chỉ tiêu thu hồi đất năm 2023

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Kế hoạch phê duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	Tăng giảm (+/-)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	TỔNG		393,60	40,36		
1	Đất nông nghiệp	NNP	378,15	38,71	-339,44	10,24
	<i>Trong đó:</i>					
1,1	Đất trồng lúa	LUA	9,02	0,01	-9,01	0,11
1,2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	17,45	2,1	-15,35	12,03
1,3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	345,43	36,6	-308,83	10,60
1,4	Đất rừng sản xuất	RSX	4,80	0	-4,8	0,00
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	RSN	-	-	-	-
1,5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	1,45	0	-1,45	0,00
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	15,45	1,65	-13,8	10,68
	<i>Trong đó:</i>					
2,1	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, huyện, xã	DHT	3,78	-	-3,78	-
-	Đất giao thông	DGT	3,78	-	-3,78	-
-	Đất cơ sở y tế	DGD	-	-	-	-
2,2	Đất ở tại nông thôn	ONT	2,49	-	-2,49	-
2,3	Đất ở tại đô thị	ODT	0,18	-	-0,18	-
2,4	Đất trụ sở cơ quan	TSC	-	-	-	-
2,5	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	9,0	1,65	-7,35	18,33

Số lượng công trình, dự án đã thực hiện thu hồi đất xong là 13/36 dự án, trong đó có 06 công trình quốc phòng an ninh, đạt 36,11% số lượng; diện tích thu hồi 23,16/393,60 ha, đạt 5,88%, Cụ thể công trình:

Bảng 2.3.1: Công trình, dự án đã thực hiện thu hồi đất năm 2023

Số TT	Danh mục công trình, dự án	Mã QH	Diện tích (ha)	Địa điểm
1	Trụ sở công an xã Đăk N'Drot	CAN	0,20	Xã Đăk N'Drot
2	Trụ sở công an xã Đức Minh	CAN	0,13	Xã Đức Minh
3	Trụ sở công an xã Đăk R'La	CAN	0,10	Xã Đăk R'La
4	Trụ sở công an xã Đăk Săk	CAN	0,15	Xã Đăk Săk
5	Chốt chiến đấu Dân quân thường trực tại xã biên giới Thuận An, huyện Đăk Mil	CQP	0,87	Xã Thuận An
6	Chốt chiến đấu Dân quân thường trực tại xã biên giới Đăk Lao, huyện Đăk Mil	CQP	0,30	Xã Đăk Lao
7	Sửa chữa đường Nguyễn Tri Phương - Hai Bà Trưng (Giai đoạn 2)	DGT	0,78	Thị trấn Đăk Mil
8	Hoàn thiện lưới điện trung áp sau TBA 110KV Krông Nô	DNL	0,10	Xã Đăk R'La
9	Trụ sở làm việc UBND xã Đức Minh	TSC	2,00	Xã Đức Minh
10	Bãi rác xã Đăk N'Drot	DRA	2,00	Xã Đăk N'Drot
11	Đường vành đai Hồ Tây (Giai đoạn 2); hạng mục: Vĩa hè, thoát nước, điện chiếu sáng (từ đường Nguyễn Du đến đường đi QL 14)	DGT	0,12	TT Đăk Mil, Thuận An
12	Đường giao thông từ cửa khẩu Đăk Per, Xã Thuận An đi Tỉnh lộ 3 (ĐT683) xã Đức Minh, huyện Đăk Mil (giai đoạn 1)	DGT	4,66	Đức Minh và Thuận An
13	Hồ Đăk Klo Ou, xã Đăk Lao	DTL	11,25	Xã Đăk Lao

Bảng 2.3.2: Công trình, dự án thu hồi đất chưa thực hiện chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất năm 2024

STT	Hạng Mục	Mã QH	Diện tích (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
1	Tiểu Dự án nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước từ các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông	DGT	27,10	TT Đăk Mil; Thuận An, Đức Minh, Đăk Lao
2	Đường giao thông từ xã Đức Minh đi Đức Mạnh, huyện Đăk Mil (ĐT16)	DGT	4,63	TT Đăk Mil, Đức Minh, Đức Mạnh
3	Đường liên xã Đức Minh - Thuận An, huyện Đăk Mil	DGT	3,90	Đức Minh, Thuận An
4	Dự án cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 2	DGT	5,60	Đức Minh, Đăk Săk, Đức Mạnh
5	Đường giao thông liên xã Đăk R'la đi xã Đăk N'Drot, huyện Đăk Mil	DGT	6,30	Đăk R'La

STT	Hạng Mục	Mã QH	Diện	Địa điểm (đến cấp)
6	Dự án cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 3	DGT	3,62	Đức Minh
7	Đường liên xã Đức Mạnh - Đức Minh - Đắc Sắk (từ QL 14 đi tỉnh lộ 682)	DGT	1,50	Đức Minh, Đức Mạnh, Đắc Sắk
8	Trục đường còn lại của Hoa viên khu dân cư tổ dân phố 5	DGT	0,20	TT Đắc Mil
9	Dự án Hồ suối 38, tỉnh Đắc Nông	DTL	29,00	Đắc R'La
10	Hồ Đắc Gang (Hồ và hệ thống kênh sau lưu vực 1)	DTL	184,60	Đắc R'La, Đắc Gắn
11	Đường từ đường Lê Duẩn đi Trụ sở UBND xã Đức Minh mới (Giai đoạn 1)	DGT	4,50	Đức Minh
12	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng đường nối từ đường Trần Phú đi QL 14C	DGT	0,50	Đắc Lao
13	Đường từ QL 14 đi qua Trung tâm hành chính mới đi Tỉnh lộ 683	DGT	5,40	Thuận An
14	Đường Lê Lợi	DGT	0,67	TT Đắc Mil, Đắc Lao
15	Dự án định canh, định cư tập trung xã Đắc R'La, huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông	DGT	2,34	Đắc R'La
16	Dự án ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn bon Đắc Sắk và bon Đắc Mâm, xã Đắc Sắk, huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông	DGT	2,50	Đắc Sắk
17	Dự án ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn bon Đắc Láp, xã Đắc Gắn và Bon Jun Juh, xã Đức Minh, huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông	DGT	1,98	Đắc Gắn, Đức Minh
18	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Trãi	DGT	1,73	TT Đắc Mil
19	Đường từ Quốc lộ 14 nối đường liên xã Đức Minh - Thuận An (Giai đoạn 1)	DGT	1,12	Đức Minh, Thuận An
20	Dự án ổn định dân cư tự do xã Đắc N'Drót	DGT	1,00	Đắc N'Drot
21	Dự án trạm biến áp 110kV Đắc Mil 2 và đường dây 110kV	DNL	0,60	Đắc R'La
22	Nhà máy xử lý và tái chế chất thải rắn Đắc Mil	DRA	8,19	Đắc Lao

Bảng 2.3.3: Công trình, dự án chưa thực hiện chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất năm 2024

STT	Hạng mục	Mã kế hoạch	Kế hoạch	Địa điểm
1	Công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh	85		
1,1	Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh	10	52,21	
A	Dự án chuyển tiếp từ năm 2023	7	48,20	
1	Thao trường huấn luyện huyện Đắc Mil	CQP	42,00	Đắc R'La
2	Đồn Biên Phòng Cửa Khẩu (nhà làm việc đội công tác)	CQP	0,02	Thuận An
3	Đất quốc phòng	CQP	4,80	Đắc Lao
4	Đất trụ sở công an xã Long Sơn	CAN	0,10	Long Sơn

5	Trụ sở công an xã Đức Mạnh	CAN	0,25	Đức Mạnh
6	Trụ sở công an xã Đăk Gằn	CAN	0,10	Đăk Gằn
7	Trụ sở Công an PCCC	CAN	0,93	Thuận An
B	Dự án chuyển tiếp năm 2023	3	4,01	
1	Chốt chiến đấu Dân quân thường trực tại xã biên giới Thuận An, huyện Đăk Mĩl	CQP	1,32	Thuận An
2	Chốt chiến đấu Dân quân thường trực tại xã biên giới Đăk Lao, huyện Đăk Mĩl	CQP	1,78	Đăk Lao
3	Công trình quốc phòng	CQP	0,91	Đăk Lao; Thuận An; Đăk N'Drot; Đăk R'La
2	Các công trình dự án còn lại		647,12	
2.1	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất	25	328,69	
A	Dự án chuyển tiếp từ năm 2023	15	306,95	
1	Tiểu Dự án nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước từ các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Đăk Mĩl, tỉnh Đăk Nông	DGT	27,10	TT Đăk Mĩl; Thuận An, Đức Minh, Đăk Lao
2	Đường vành đai Hồ Tây (Giai đoạn 2); hạng mục: Vĩa hè, thoát nước, điện chiếu sáng (từ đường Nguyễn Du đến đường đi QL 14)	DGT	3,50	TT Đăk Mĩl, Thuận An
3	Sửa chữa đường Nguyễn Tri Phương - Hai Bà Trưng (Giai đoạn 2)	DGT	0,78	Thị trấn Đăk Mĩl
4	Đường giao thông từ cửa khẩu Đăk Per, Xã Thuận An đi Tỉnh lộ 3 (ĐT683) xã Đức Minh, huyện Đăk Mĩl (giai đoạn 1)	DGT	4,80	Đức Minh và Thuận An
5	Đường liên xã Đức Minh - Thuận An, huyện Đăk Mĩl	DGT	3,90	Đức Minh, Thuận An
6	Dự án cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 2	DGT	5,60	Đức Minh, Đăk Săk, Đức Mạnh
7	Đường giao thông liên xã Đăk R'la đi xã Đăk N'Drot, huyện Đăk Mĩl	DGT	6,30	Đăk R'La, Đăk N'Drot
8	Dự án cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 3	DGT	3,62	Đức Minh, Long Sơn, Đăk Săk
9	Trục đường còn lại của Hoa viên khu dân cư tổ dân phố 13	DGT	0,20	TT Đăk Mĩl
10	Hồ Đăk Klo Ou, xã Đăk Lao	DTL	25,00	Đăk Lao
11	Dự án Hồ suối 38, tỉnh Đăk Nông	DTL	29,00	Đăk R'La
12	Hồ Đăk Gang (Hồ và hệ thống kênh sau lưu vực 1)	DTL	184,60	Đăk R'La, Đăk Gằn
14	Đường giao thông từ Bản Cao Lạng đi Nam Xuân Krông Nô (ĐH11-A)	DGT	0,50	Đăk Gằn
15	Đường liên xã Đức Mạnh - Đức Minh - Đăk Săk (từ QL 14 đi tỉnh lộ 682)	DGT	1,50	Đức Minh, Đức Mạnh, Đăk Săk
B	Dự án chuyển tiếp năm 2023	10	21,74	
1	Đường từ đường Lê Duẩn đi Trụ sở UBND xã Đức Minh mới (Giai đoạn 1)	DGT	4,50	Đức Minh
2	Đường từ QL 14 đi qua Trung tâm hành chính mới đi	DGT	5,40	Đăk Lao, Thuận An

	Tỉnh lộ 683			
3	Đường Lê Lợi	DGT	0,67	TT Đắk Mil
4	Dự án định canh, định cư tập trung xã Đắk R'La, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông	DGT	2,34	Đắk R'La
5	Dự án ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn bon Đắk Sắk và bon Đắk Mâm, xã Đắk Sắk, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông	DGT	2,50	Đắk Sắk
6	Dự án ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn bon Đắk Láp, xã Đắk Gắn và Bon Jun Juh, xã Đức Minh, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông	DGT	1,98	Đắk Gắn, Đức Minh
7	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Trãi	DGT	1,73	TT Đắk Mil
8	Đường từ Quốc lộ 14 nối đường liên xã Đức Minh - Thuận An (Giai đoạn 1)	DGT	1,12	Đức Minh, Thuận An
9	Hạ tầng khu thương mại, dịch vụ và dân cư	TMD	1,5	Đắk N'Drot
10	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng đường nối từ đường Trần Phú đi QL 14C	DGT	0,50	TT Đắk Mil
2.2	Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất	13	288,14	
A	Dự án chuyển tiếp từ năm 2023	13	288,14	
1	Đất thương mại dịch vụ Xã Đắk N'Drot	TMD	0,10	Đắk N'Drot
2	Đất nông nghiệp khác tại xã Đắk Gắn	NKH	4,60	Đắk Gắn
3	Đất nông nghiệp khác tại xã Long Sơn	NKH	5,20	Long Sơn
4	Đất nông nghiệp khác tại xã Đắk R 'La	NKH	219,09	Đắk R 'La
5	Hội trường thôn 2	DSH	0,04	Đắk N'Drot
6	Hội trường thôn Thuận Hòa	DSH	0,05	Thuận An
7	CĐMĐ sử dụng đất đất tôn giáo Tu Tráp bon SaPa	TON	0,17	Thuận An
8	Trạm y tế thị trấn Đắk Mil	DYT	0,19	TT Đắk Mil
9	Mỏ vật liệu san lấp số 1 xã Đắk Gắn, huyện Đắk Mil	SKX	5,00	Đắk Gắn
10	Mỏ vật liệu san lấp số 2 xã Đắk Gắn, huyện Đắk Mil	SKX	21,96	Đắk Gắn
11	Mỏ vật liệu san lấp xã Đắk R'La, huyện Đắk Mil	SKX	22,20	Đắk R'La
12	Mỏ vật liệu san lấp xã Long Sơn, huyện Đắk Mil	SKX	4,54	Long Sơn
13	Trung tâm OCOP và điểm dừng chân huyện Đắk Mil (Giai đoạn 1)	TMD	5,00	Đắk N'Drot
2.3	Dự án chuyển tiếp năm 2023	10	30,30	
A	Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở nông thôn nhu cầu hộ gia đình, các nhân tại các xã	10	30,30	
1	Đất ở nông thôn, chuyển mục đích đất ở tại xã Đắk Gắn	ONT	3,00	Đắk Gắn
2	Đất ở nông thôn, chuyển mục đích đất ở tại xã Đắk R 'La	ONT	3,00	Đắk R'La
3	Đất ở nông thôn, chuyển mục đích đất ở tại xã Đắk N'Drot	ONT	2,00	Đắk N'Drot
4	Đất ở nông thôn, chuyển mục đích đất ở tại xã Đức Minh	ONT	3,00	Đức Minh

5	Đất ở nông thôn, chuyên mục đích đất ở tại nông thôn	ONT	6,00	Thuận An
6	Đất ở nông thôn, chuyên mục đích đất ở tại xã Đắc Lao	ONT	3,00	Đắc Lao
7	Đất ở nông thôn, chuyên mục đích đất ở tại xã Long Sơn	ONT	1,50	Long Sơn
8	Đất ở nông thôn, chuyên mục đích đất ở tại xã Đức Mạnh	ONT	3,00	Đức Mạnh
9	Đất ở nông thôn, chuyên mục đích đất ở tại xã Đắc Sắk	ONT	5,00	Đắc Sắk
10	Chuyên mục đích đất nông nghiệp sang đất ở đô thị nhu cầu hộ gia đình, các nhân tại thị trấn Đắc Mil	ODT	0,80	TT Đắc Mil
2.5	Các công trình kêu gọi đầu tư	7	77,60	
A	Dự án chuyển tiếp từ năm 2023	3	11,28	
1	Cơ sở giáo dục tư thục	DGD	2,47	Đắc Lao
2	Trung tâm trung bày, chăm sóc ô tô và dịch vụ nhà hàng, khách sạn	TMD	0,81	TT Đắc Mil
3	Kêu gọi đầu tư thương mại dịch vụ (đất QH Bệnh viện Nam Tây Nguyên cũ)	TMD	8,00	Đắc Lao
B	Dự án mới năm 2023	4	66,32	
1	Nhà máy chế biến sâu nông sản, trái cây công nghệ cao, kho dự trữ, bảo quản thành phẩm, bãi tập kết nguyên liệu	SKC	16,90	Đắc Sắk
2	Hạ tầng khu thương mại - dịch vụ, dân cư số 1	DTC	35,43	Đắc Lao, TT Đắc Mil
3	Nhà máy xử lý và tái chế chất thải rắn Đắc Mil	DRA	8,19	Đắc Lao
4	Trung tâm bảo quản nông nghiệp CNC Thuận An	SKC	5,80	Thuận An
2.6	Các khu vực sử dụng đất khác	21	49,63	
A	Dự án chuyển tiếp từ năm 2023	2	40,47	
1	Đất chưa sử dụng chuyển qua đất cây lâu năm	CLN	26,51	Đắc Gằn
2	Giao đất, giao rừng	RSX	13,96	Thuận An
B	Công trình giao đất	19	9,16	
1	Giáo họ Bình Thuận	TON	0,28	Đức Mạnh
2	Miếu cô	TIN	0,08	Đắc Lao
3	Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước từ công trình thủy lợi trên địa bàn Huyện Đắc Mil (Nhà quản lý thị trấn)	TSC	0,08	TT Đắc Mil
4	Phân hiệu trường Măng Non	DGD	0,19	Đắc N'Drot
5	Phân hiệu trường Hà Huy Tập (thôn 6)	DGD	0,63	Đắc N'Drot
6	Nhà sinh hoạt thôn Bắc Sơn	DSH	0,13	Đắc Gằn
7	Nhà sinh hoạt tổ dân phố 3	DSH	0,03	TT Đắc Mil
8	Mở rộng trường tiểu học Bi Năng Tắc	DGD	0,08	Đắc Gằn

9	Điểm chốt dân quân xã Đăk Lao	CQP	1,10	Đăk Lao
10	Điểm chốt dân quân xã Thuận An	CQP	1,67	Thuận An
11	Trụ sở công an xã Đăk N'Drot	CAN	0,20	Đăk N'Drot
12	Trụ sở công an xã Đức Minh	CAN	0,13	Đức Minh
13	Trụ sở công an xã Đăk R'La	CAN	0,10	Đăk R'La
14	Trụ sở công an xã Đăk Săk	CAN	0,15	Đăk Săk
15	Trụ sở công an xã Thuận An	CAN	0,14	Thuận An
16	Trụ sở công an xã Đăk Lao	CAN	0,15	Đăk Lao
17	Trụ sở làm việc UBND xã Đức Minh	TSC	2,00	Đức Minh
18	Bãi rác xã Đăk N'Drot	DRA	2,00	Đăk N'Drot
19	Mở rộng trạm y tế xã Đăk R'La	DYT	0,02	Đăk R'La

2.4. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023

a. Kết quả đạt được và những tồn tại trong thực hiện kế hoạch năm 2023,

Nhìn chung, việc thực hiện kế hoạch sử dụng năm 2023 của huyện đã theo sát theo Quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 25/7/2023 của UBND tỉnh Đăk Nông về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Đăk Mil và đã đạt được những thành quả nhất định:

- Đảm bảo tính thống nhất trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai từ cấp tỉnh, huyện, cấp xã.

- Làm cơ sở pháp lý quan trọng cho công tác giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất.

- Đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, hợp lý, có hiệu quả và gắn với bảo vệ môi trường sinh thái.

Bên cạnh những mặt đạt được trong quá trình thực hiện kế hoạch sử dụng đất của huyện vẫn còn tồn tại một số hạn chế sau:

- Một số dự án, công trình có quy mô diện tích lớn nhưng tiến độ thực hiện chậm, kéo dài dẫn đến ảnh hưởng đến chỉ tiêu kết quả thực hiện trong năm kế hoạch,

- Công tác giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất,, triển khai chậm dẫn đến các thủ tục pháp lý chưa hoàn thành nên phải tiếp tục chuyển tiếp qua năm kế hoạch 2023 để triển khai thực hiện hoàn tất thủ tục pháp lý.

b. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023,

Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế trong quá trình thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023:

- Kết quả thực hiện năm 2023 chưa đạt 100% so với kế hoạch 2023 chủ yếu là do các công trình dự án kêu gọi vốn đầu tư, ngoài ngân sách chưa hoàn thiện thủ tục, vốn thực hiện như dự án như: Nhà máy chế biến sâu nông sản, trái cây công nghệ cao, kho dự trữ, bảo quản thành phẩm, bãi tập kết nguyên liệu 16,90 ha, Hạ tầng khu thương mại - dịch vụ, dân cư số 1 35,43 ha, rung tâm bảo quản nông nghiệp CNC Thuận An 5,80 ha ... Các dự án trên chiếm tương đối lớn dẫn tới tỷ lệ phần trăm thực hiện đất nông nghiệp đạt thấp. Ngoài ra các dự án vẫn đang trong giai đoạn thực hiện Tiểu Dự án nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước từ các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông 27,10 ha, Đường giao thông từ cửa khẩu Đắk Per, Xã Thuận An đi Tỉnh lộ 3 (ĐT683) xã Đức Minh, huyện Đắk Mil (giai đoạn 1) 4,80 ha...

- Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng còn chậm và nhiều bất cập.

- Việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất của một số ngành có liên quan đến sử dụng đất phi nông nghiệp còn nặng về định hướng lâu dài mà chưa cân nhắc đầy đủ đến khả năng thực hiện trong năm kế hoạch nên dẫn đến mức độ thực hiện còn thấp so với chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

- Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng cao; trong khi những năm qua với chính sách tăng chi tiêu công và những khó khăn của doanh nghiệp nên ảnh hưởng đến nguồn vốn ngân sách cũng như nguồn vốn xã hội hóa để thực hiện dự án.

c. Bài học kinh nghiệm trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023:

- Kế hoạch sử dụng đất cần thực hiện theo đúng quy trình; phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của huyện Đắk Mil, cũng như các quy hoạch ngành (*quy hoạch xây dựng, quy hoạch giao thông,..*), Kế hoạch sử dụng đất cần lường hết được những khó khăn trong quá trình thi công, giải phóng mặt bằng, vốn đầu tư, tránh quy hoạch treo, không thực hiện được hoặc việc bố trí quỹ đất cho các mục đích sử dụng chưa phù hợp với nhu cầu thực tế.

- Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cần đảm bảo minh bạch, công khai và dân chủ; quá trình xây dựng quy hoạch, kế hoạch cần có sự tham gia và ý kiến phản hồi của của cơ quan, tổ chức sử dụng đất.

- Các quy định của pháp luật về quản lý đất đai nói chung và quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nói riêng, cần kịp thời cập nhật, thông tin và truyền thông đầy đủ và kịp thời cho các tổ chức, cá nhân sử dụng đất, Các thủ tục hành chính về đất đai cần được hướng dẫn cụ thể và thực hiện đầy đủ.

- Các thủ tục hành chính về đất đai cần chấp hành đầy đủ theo trình tự, quy định, tránh để tồn đọng các giấy tờ, đây cũng là bài học hạn chế việc quản lý và sử dụng đất đai trái pháp luật.

- Các chủ đầu tư của các công trình dự án nằm trong năm kế hoạch được duyệt cần phải bố trí đủ nguồn vốn để bồi thường đất, hỗ trợ, tái định để thực hiện các dự án thu hồi đất, Phối hợp chặt chẽ Trung tâm phát triển quỹ đất huyện để thực hiện đo đạc, kiểm đếm tài sản, cây cối, hoa màu trên đất, và ứng vốn kịp thời để chi trả các đối tượng bị thu hồi đất.

- Lập thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất kịp thời cho các chủ đầu tư để kịp thời triển khai thực hiện dự án. Đối với các dự án sử dụng đất đề nghị đơn

vị chủ quản sử dụng tập trung thực hiện hoàn thành các thủ tục về đất đai trong năm kế hoạch 2023.

- Bố trí nguồn kinh phí để thực hiện việc chỉnh lý bản đồ địa chính, cập nhật cơ sở dữ liệu địa chính để tạo thuận lợi cho việc quản lý nhà nước về đất đai một cách hiệu quả, khoa học, đúng pháp luật, góp phần vào phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng an ninh trên huyện Đắk Mil.

PHẦN III

LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

3.1. Nhu cầu sử dụng đất năm kế hoạch 2024

Các chỉ tiêu sử dụng đất đưa vào KHSDD năm 2024 được xác lập dựa trên các cơ sở sau đây:

- Quyết định số 2072/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 về việc phê Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Đắk Mil tỉnh Đắk Nông. Quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 25/7/2023 về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Đắk Mil tỉnh Đắk Nông.

- Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Danh mục các dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2023;

- Các công trình dự án trong kế hoạch năm 2023 chưa thực hiện, chuyển qua thực hiện năm 2024 và công trình đề xuất mới năm 2024.

Qua đăng kí nhu cầu sử dụng đất năm 2024 của các phòng, ban của huyện và UBND các xã, thị trấn, cũng như các cơ quan đơn vị trên địa bàn; kết hợp quá trình điều tra, khảo sát thực địa, Tổng danh mục công trình, dự án dự kiến thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất 2024 trên địa bàn huyện Đắk Mil là 99 công trình. Công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 chưa thực hiện chuyển sang kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 85 công trình, dự án; công trình dự án mới năm 2024 là 14 công trình, Trong đó:

- Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh: 10 công trình, dự án.

- Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất: 27 công trình và 6 công trình Quốc phòng an ninh cần phải thu hồi trên địa bàn huyện.

- Công trình, dự án chuyên mục đích sử dụng đất: 12 công trình, dự án.

- Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở nông thôn nhu cầu hộ gia đình, các nhân tại các xã: 1 công trình, dự án.

- Dự án mới năm 2024: 14 công trình, dự án

- Các công trình kêu gọi đầu tư: 8 công trình, dự án.

- Các khu vực sử dụng đất khác: 21 công trình, dự án.

3.2. Chỉ tiêu sử dụng đất

Căn cứ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Đắk Mil được UBND tỉnh Đắk Nông phê duyệt, quy hoạch các ngành; chương trình mục tiêu quốc gia và nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, các tổ chức, hộ gia đình cá nhân trong năm 2024, Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2024 của huyện Đắk Mil, như sau:

Bảng 3,1: Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 (ha)	QH đến 2030 được duyệt tại Quyết định 2074 (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2024		So sánh tăng (+), tăng (-)	
					Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Kế hoạch so với hiện trạng	Kế hoạch so với quy hoạch
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8) = (6)-(4)	(9) = (6)-(5)
I	Loại đất		67.901,69	67.901,69	67.901,69	100,00	-	
1	Đất nông nghiệp	NNP	63.277,05	62.142,56	62.870,38	92,59	-406,67	727,82
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1.128,03	1.029,13	1.118,10	1,65	-9,93	88,97
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	711,94	611,95	710,21	1,05	-1,73	98,26
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	4.042,61	3.284,75	3.914,81	5,77	-127,80	630,05
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	37.803,97	35.917,65	37.395,70	55,07	-408,27	1.478,06
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	2.408,29	2.406,44	2.408,29	3,55	-	1,84
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	-	-	-	-	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	17.508,93	18.067,78	17.504,09	25,78	-4,84	-563,68
	Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN	17.419,05	17.419,05	17.414,21	25,65	-4,84	-4,84
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	234,18	232,89	222,85	0,33	-11,33	-10,05
1.8	Đất làm muối	LMU	-	-	-	-	-	-
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	151,04	1.203,92	306,54	0,45	155,50	-897,38
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	4.555,10	5.738,97	4.988,28	7,35	433,18	-750,68
	Trong đó:				0,00		0,00	0,00
2.1	Đất quốc phòng	CQP	360,67	561,00	411,50	0,61	50,83	-149,51
2.2	Đất an ninh	CAN	8,99	10,31	10,37	0,02	1,38	0,06
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	-	-	-	-	-	-
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	24,50	112,20	24,50	0,04	-	-87,70
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	17,42	169,77	73,46	0,11	56,04	-96,31
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	16,25	111,00	38,95	0,06	22,70	-72,05
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	3,42	3,42	3,42	0,01	-	-

2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	35,32	142,51	95,65	0,14	60,33	-46,86
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh	DHT	2.307,26	3.065,32	2.567,05	3,78	259,79	-498,27
	Trong đó:							
-	Đất giao thông	DGT	1.295,11	1.493,09	1.334,49	1,97	39,38	-158,60
-	Đất thủy lợi	DTL	742,73	991,42	952,38	1,40	209,65	-39,04
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	2,78	5,38	2,78	0,004	-	-2,60
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	6,91	7,07	7,10	0,01	0,19	0,03
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	58,75	65,17	61,22	0,09	2,47	-3,95
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	14,26	19,71	13,45	0,02	-0,81	-6,25
-	Đất công trình năng lượng	DNL	34,74	302,55	35,29	0,05	0,55	-267,26
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,45	0,46	0,45	0,001	-	-0,01
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	-	-	-	-	-	-
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	4,60	8,60	4,60	0,01	-	-4,00
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	7,97	29,71	16,16	0,02	8,19	-13,55
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	40,60	42,50	40,77	0,06	0,17	-1,73
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	93,82	95,58	93,82	0,14	-	-1,76
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH	-	-	-	-	-	-
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	0,38	0,38	0,38	0,001	-	-
-	Đất chợ	DCH	4,16	3,70	4,16	0,01	0,00	0,46
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-	-	-	-	-	-
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	7,06	8,44	7,23	0,01	0,17	-1,21
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	6,98	47,44	6,98	0,01	-	-40,46
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	641,11	597,79	664,56	0,98	23,45	66,77
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	67,45	406,33	68,05	0,10	0,60	-338,28

2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	14,76	52,97	14,44	0,02	-0,32	-38,53
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	4,59	4,51	4,59	0,01	-	0,08
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	-	-	-	-
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,08	0,08	0,08	0,0001	0,00	0,00
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.039,24	443,25	997,45	1,47	-41,79	554,20
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MN C	-	-	-	-	-	-
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-	2,62	-	-	-	-2,62
3	Đất chưa sử dụng	CSD	69,55	20,16	43,04	0,06	-26,51	22,88

* Diện tích đất tự nhiên toàn huyện: Năm 2024, tổng diện tích đất tự nhiên toàn huyện có 67,901,69 ha, không thay đổi so với năm 2023.

3.2.1 Đất nông nghiệp

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 diện tích đất nông nghiệp là 62.870,38 ha, chiếm 92,59% tổng diện tích tự nhiên, giảm 406,67 ha so với hiện trạng năm 2023,

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng 62.686,61 ha;

- Diện tích giảm do chuyển sang đất phi nông nghiệp 450,53 ha, Trong đó giảm do chuyển qua các mục đích: Đất quốc phòng 50,82 ha, đất an ninh 1,28 ha, đất thương mại, dịch vụ 61,93 ha, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 22,70 ha, đất sản xuất vật liệu xây dựng 53,70 ha, đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã 235,20 ha, đất ở tại nông thôn 24,28 ha, đất ở tại đô thị 0,50 ha,...

- Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 62.142,56 ha. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2024 là 62.870,38 ha cao hơn 727,82 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

Cụ thể, các chỉ tiêu sử dụng đất nông nghiệp của huyện trong kế hoạch năm 2024 như sau:

* Đất trồng lúa

- Kế hoạch năm 2024 diện tích là 1.118,10 ha, giảm 9,93 ha so với hiện trạng năm 2023 và chiếm 1,65% diện tích tự nhiên;

- Diện tích giảm do chuyển sang đất an ninh 0,10 ha (trụ sở công an xã Long Sơn), đất giao thông 1,73 ha (đường giao thông từ cửa khẩu Đắc Per, xã Thuận An đi Tỉnh lộ 3 (ĐT683) xã Đức Minh, huyện Đắc Mil (giai đoạn 1)), đất thủy lợi 8,10 ha (Hồ Đắc Gang).

- Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 1.029,13 ha. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2024 là 1.118,10 ha hơn 88,97 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030, phù hợp với quy hoạch được duyệt,

* Đất trồng cây hàng năm khác

- Kế hoạch năm 2024 diện tích là 3.914,81 ha, giảm 127,80 ha so với hiện trạng năm 2023 và chiếm 5,77% diện tích tự nhiên;

- Diện tích giảm do chuyển sang công trình dự án cụ thể:

Số TT	Danh mục công trình, dự án	Mã QH	Diện tích kế hoạch (ha)	Lấy từ loại đất	Địa điểm
1	Đất nông nghiệp khác tại xã Đăk Gắn	NKH	4,60	0,50	Đăk Gắn
2	Đất ở nông thôn, chuyên mục đích đất ở tại xã Đăk Gắn	ONT	3,00	0,87	Đăk Gắn
3	Đất ở nông thôn, chuyên mục đích đất ở tại xã Đăk R'La	ONT	3,00	0,82	Đăk R'La
4	Đất ở nông thôn, chuyên mục đích đất ở tại xã Đăk N'Drot	ONT	2,00	0,27	Đăk N'Drot
5	Đất ở nông thôn, chuyên mục đích đất ở tại xã Đức Minh	ONT	3,00	0,72	Đức Minh
6	Đất ở nông thôn, chuyên mục đích đất ở tại nông thôn	ONT	6,00	1,71	Thuận An
7	Đất ở nông thôn, chuyên mục đích đất ở tại xã Đăk Lao	ONT	3,00	0,59	Đăk Lao
8	Đất ở nông thôn, chuyên mục đích đất ở tại xã Long Sơn	ONT	1,50	0,42	Long Sơn
9	Đất ở nông thôn, chuyên mục đích đất ở tại xã Đức Mạnh	ONT	3,00	0,64	Đức Mạnh
10	Đất ở nông thôn, chuyên mục đích đất ở tại xã Đăk Săk	ONT	5,00	1,24	Đăk Săk
11	Đất nông nghiệp khác tại xã Đăk R'La	NKH	125,70	39,70	Đăk R'La
12	Khu đất sau trường Trần Hưng Đạo	ODT	0,12	0,12	TT Đăk Mil
13	Kêu gọi đầu tư thương mại dịch vụ (đất QH Bệnh viện Nam Tây Nguyên cũ)	TMD	8,00	8,00	Đăk Lao

- Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 3.284,75 ha. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2024 là 3.914,81 ha cao hơn 630,05 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

*** Đất trồng cây lâu năm**

- Kế hoạch năm 2024 diện tích là 37.395,70 ha, giảm 408,27 ha so với hiện trạng và chiếm 55,07% diện tích tự nhiên;

- Diện tích giảm do chuyển sang đất nông nghiệp khác 115,30 ha, đất giao thông 75,83 ha, đất bãi thải xử lý chất thải 8,19 ha, đất ở tại nông thôn 17,00 ha, đất ở tại đô thị 0,38 ha...

Số TT	Danh mục công trình, dự án	Mã QH	Diện tích kế hoạch (ha)	Lấy từ loại đất	Địa điểm
1	Thao trường huấn luyện huyện Đăk Mil	CQP	42,00	42,00	Đăk R'La
2	Đồn Biên Phòng Cửa Khẩu (nhà làm việc đội công tác)	CQP	0,02	0,01	Thuận An
3	Trụ sở công an xã Đức Mạnh	CAN	0,25	0,25	Đức Mạnh
4	Trụ sở Công an PCCC	CAN	0,93	0,93	Thuận An
5	Chốt chiến đấu Dân quân thường trực tại xã biên giới Thuận An, huyện Đăk Mil	CQP	1,32	1,32	Thuận An
6	Chốt chiến đấu Dân quân thường trực tại xã biên giới Đăk Lao, huyện Đăk Mil	CQP	1,78	1,78	Đăk Lao
7	Công trình quốc phòng	CQP	0,91	0,81	Đăk Lao; Thuận An;

Số TT	Danh mục công trình, dự án	Mã QH	Diện tích kế hoạch (ha)	Lấy từ loại đất	Địa điểm
					Đắk N'Drot; Đắk R'La
8	Tiểu Dự án nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước từ các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông	DGT	27,10	27,10	TT Đắk Mil; Thuận An, Đức Minh, Đắk Lao
9	Đường vành đai Hồ Tây (Giai đoạn 2); hạng mục: Vĩa hè, thoát nước, điện chiếu sáng (từ đường Nguyễn Du đến đường đi QL 14)	DGT	3,50	3,38	TT Đắk Mil, Thuận An
10	Đường giao thông từ xã Đức Minh đi Đức Mạnh, huyện Đắk Mil (Đ16)	DGT	4,63	3,71	TT Đắk Mil, Đức Minh, Đức Mạnh
11	Đường liên xã Đức Minh - Thuận An, huyện Đắk Mil	DGT	3,90	2,22	Đức Minh, Thuận An
12	Dự án cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 2	DGT	5,60	5,60	Đức Minh, Đắk Sắk, Đức Mạnh
13	Đường giao thông liên xã Đắk R'la đi xã Đắk N'Drot, huyện Đắk Mil	DGT	6,30	6,30	Đắk R'La, Đắk N'Drot
14	Dự án cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 3	DGT	3,62	3,62	Đức Minh, Long Sơn, Đắk Sắk
15	Trục đường còn lại của Hoa viên khu dân cư tổ dân phố 13	DGT	0,20	0,20	TT Đắk Mil
16	Hồ Đắk Klo Ou, xã Đắk Lao	DTL	25,00	13,75	Đắk Lao
17	Dự án Hồ suối 38, tỉnh Đắk Nông	DTL	29,00	18,85	Đắk R'La
18	Hồ Đắk Gang (Hồ và hệ thống kênh sau lưu vực 1)	DTL	184,60	93,43	Đắk R'La, Đắk Gằn
19	Hạ tầng khu thương mại, dịch vụ và dân cư	TMD	6,70	6,70	Đức Minh
20	Đường giao thông từ Bản Cao Lạng đi Nam Xuân Krông Nô (ĐH11-A)	DGT	0,50	0,50	Đắk Gằn
21	Đường liên xã Đức Mạnh - Đức Minh - Đắk Sắk (từ QL 14 đi tỉnh lộ 682)	DGT	1,50	1,50	Đức Minh, Đức Mạnh, Đắk Sắk
22	Đường từ đường Lê Duẩn đi Trụ sở UBND xã Đức Minh mới (Giai đoạn 1)	DGT	4,50	4,48	Đức Minh
23	Đường từ QL 14 đi qua Trung tâm hành chính mới đi Tỉnh lộ 683	DGT	5,40	5,40	Đắk Lao, Thuận An
24	Đường Lê Lợi	DGT	0,67	0,67	TT Đắk Mil
25	Dự án định canh, định cư tập trung xã Đắk R'La, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông	DGT	2,34	2,34	Đắk R'La
26	Dự án ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn bon Đắk Sắk và bon Đắk Mâm, xã Đắk Sắk, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông	DGT	2,50	2,50	Đắk Sắk
27	Dự án ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn	DGT	1,98	1,98	Đắk Gằn,

Số TT	Danh mục công trình, dự án	Mã QH	Diện tích kế hoạch (ha)	Lấy từ loại đất	Địa điểm
	bon Đăk Láp, xã Đăk Gắn và Bon Jun Juh, xã Đức Minh, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông				Đức Minh
28	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Trãi	DGT	1,73	1,73	TT Đăk Mil
29	Đường từ Quốc lộ 14 nối đường liên xã Đức Minh - Thuận An (Giai đoạn 1)	DGT	1,12	1,10	Đức Minh, Thuận An
30	Dự án ổn định dân di cư tự do xã Đăk N'Drôt	DGT	1,00	1,00	Đăk N'Drot
31	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng đường nối từ đường Trần Phú đi QL 14C	DGT	0,50	0,50	TT Đăk Mil
32	Đất thương mại dịch vụ Xã Đăk N'Drot	TMD	0,10	0,10	Đăk N'Drot
33	Đất nông nghiệp khác tại xã Đăk Gắn	NKH	4,60	4,10	Đăk Gắn
34	Đất nông nghiệp khác tại xã Long Sơn	NKH	5,20	5,20	Long Sơn
35	Hội trường thôn 2	DSH	0,04	0,04	Đăk N'Drot
36	Hội trường thôn Thuận Hòa	DSH	0,05	0,05	Thuận An
37	CĐMĐ sử dụng đất đất tôn giáo Tu Tráp bon SaPa	TON	0,17	0,17	Thuận An
38	Mỏ vật liệu san lấp số 1 xã Đăk Gắn, huyện Đăk Mil	SKX	5,00	5,00	Đăk Gắn
39	Mỏ vật liệu san lấp số 2 xã Đăk Gắn, huyện Đăk Mil	SKX	21,96	21,96	Đăk Gắn
40	Mỏ vật liệu san lấp xã Đăk R'La, huyện Đăk Mil	SKX	22,20	22,20	Đăk R'La
41	Mỏ vật liệu san lấp xã Long Sơn, huyện Đăk Mil	SKX	4,54	4,54	Long Sơn
42	Trung tâm OCOP và điểm dừng chân huyện Đăk Mil (Giai đoạn 1)	TMD	5,00	5,00	Đăk N'Drot
43	Đất ở nông thôn, chuyên mục đích đất ở tại xã Đăk Gắn	ONT	3,00	2,04	Đăk Gắn
44	Đất ở nông thôn, chuyên mục đích đất ở tại xã Đăk R'La	ONT	3,00	1,91	Đăk R'La
45	Đất ở nông thôn, chuyên mục đích đất ở tại xã Đăk N'Drot	ONT	2,00	0,64	Đăk N'Drot
46	Đất ở nông thôn, chuyên mục đích đất ở tại xã Đức Minh	ONT	3,00	1,67	Đức Minh
47	Đất ở nông thôn, chuyên mục đích đất ở tại nông thôn	ONT	6,00	4,00	Thuận An
48	Đất ở nông thôn, chuyên mục đích đất ở tại xã Đăk Lao	ONT	3,00	1,37	Đăk Lao
49	Đất ở nông thôn, chuyên mục đích đất ở tại xã Long Sơn	ONT	1,50	0,99	Long Sơn
50	Đất ở nông thôn, chuyên mục đích đất ở tại xã Đức Mạnh	ONT	3,00	1,49	Đức Mạnh
51	Đất ở nông thôn, chuyên mục đích đất ở tại xã Đăk Săk	ONT	5,00	2,89	Đăk Săk
52	Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở đô thị nhu cầu hộ gia đình, các nhân tại thị trấn Đăk Mil	ODT	0,80	0,38	TT Đăk Mil
53	Đất nông nghiệp khác tại xã Đăk R'La	NKH	125,70	86,00	Đăk R'La
54	Đất nông nghiệp khác tại xã Đăk Lao	NKH	10,00	10,00	Đăk Lao

Số TT	Danh mục công trình, dự án	Mã QH	Diện tích kế hoạch (ha)	Lấy từ loại đất	Địa điểm
55	Đất nông nghiệp khác tại xã Đăk N'Drót	NKH	10,00	10,00	Đăk N'Drot
56	Hội trường TDP 8	DSH	0,03	0,03	TT Đăk Mil
57	Trạm biến áp 110kv Đăk Mil 2 và đầu nối	DNL	0,55	0,55	Xã Đăk N'Drot, xã Đăk R'la
58	Cơ sở giáo dục tư thục	DGD	2,47	2,47	Đăk Lao
59	Nhà máy chế biến sâu nông sản, trái cây công nghệ cao, kho dự trữ, bảo quản thành phẩm, bãi tập kết nguyên liệu	SKC	16,90	16,90	Đăk Săk
60	Hạ tầng khu thương mại - dịch vụ, dân cư số 1	DTC	35,43	35,43	Đăk Lao, TT Đăk Mil
61	Nhà máy xử lý và tái chế chất thải rắn Đăk Mil	DRA	8,19	8,19	Đăk Lao
62	Trung tâm bảo quản nông nghiệp CNC Thuận An	SKC	5,80	5,80	Thuận An

- Diện tích tăng do lấy vào đất chưa sử dụng vào sử dụng 26,51 ha.

- Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 35.917,65 ha. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2024 là 37.395,70 ha cao hơn 1.478,06 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

*** Đất rừng phòng hộ**

- Kế hoạch năm 2024 diện tích là 2.408,29 ha, chiếm 3,55% diện tích tự nhiên, không thay đổi so với hiện trạng năm 2023;

- Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 2,406,44, Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2024 cao hơn 1,85 ha không phù hợp với quy hoạch được duyệt, Diện tích quy hoạch đất rừng phòng hộ thấp hơn so với hiện trạng đã được công bố tại Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 31/01/2023 về việc phê duyệt số liệu diễn biến rừng và đất quy hoạch phát triển rừng trên địa bàn huyện Đăk Mil đến ngày 31/12/2023.

*** Đất rừng sản xuất**

- Kế hoạch năm 2024 diện tích là 17.504,09 ha, chiếm 25,78% tổng diện tích tự nhiên, giảm 4,84 ha so với hiện trạng, Diện tích giảm do chuyển đất quốc phòng trên địa bàn xã Đăk Lao và xã Thuận An.

- Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 18,067,78 ha. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2024 là 17.504,09 ha thấp hơn 563,75 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

- Đối với phần diện tích quy hoạch đất lâm nghiệp trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 được UBND tỉnh phê duyệt, Trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 chưa đưa vào để thực hiện, tuy nhiên phần diện tích này vẫn được thể hiện trên bản đồ Kế hoạch là đất phát triển lâm nghiệp để quản lý, Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã cập nhật kế hoạch trồng rừng trong năm 2024 của huyện và của các đơn vị quản lý rừng, Tuy nhiên, diện tích trồng và phát triển rừng trên phần diện tích đất lâm nghiệp không có rừng do đó đều đã được thống kê đất đai vào đất lâm nghiệp nên chỉ tiêu năm 2024 đất lâm nghiệp không giảm.

*** Đất nuôi trồng thủy sản**

- Kế hoạch năm 2024 diện tích là 222,85 ha, giảm 11,33 ha so với hiện trạng và chiếm 0,33% diện tích tự nhiên;

- Diện tích giảm do chuyển sang đất thủy lợi 12,13 ha (hồ Đắc Gang trên địa bàn xã Đắc R'la và xã Đắc Gắn).

- Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 232,89 ha. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2024 là 222,85 ha thấp hơn 10,05 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

*** Đất nông nghiệp khác**

- Kế hoạch năm 2024 diện tích là 306,54 ha, tăng 155,50 ha so với hiện trạng và chiếm 0,45% diện tích tự nhiên;

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng 151,04 ha;

Số TT	Danh mục công trình, dự án	Mã QH	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm
1	Đất nông nghiệp khác tại xã Đắc Gắn	NKH	4,60	Đắc Gắn
2	Đất nông nghiệp khác tại xã Long Sơn	NKH	5,20	Đắc Gắn
3	Đất nông nghiệp khác tại xã Đắc R'La	NKH	223,38	Đắc R'La
4	Đất nông nghiệp khác tại xã Đắc Lao	NKH	10,00	Đắc N'Drót
5	Đất nông nghiệp khác tại xã Đắc N'Drót	NKH	10,00	Đức Minh

- Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 1.203,92 ha. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2024 là 306,54 ha thấp hơn 897,38 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

2.2.2. Đất phi nông nghiệp:

- Kế hoạch năm 2024 diện tích là 4.988,28 ha, chiếm 7,35% diện tích tự nhiên, tăng 433,18 ha so với hiện trạng;

- Diện tích tăng do chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 15,40 ha, đất trồng cây lâu năm 408,23 ha, đất rừng sản xuất 4,84 ha, đất nuôi trồng thủy sản 12,13 ha,

- Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 5.738,97 ha. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2024 là 4.988,28 ha thấp hơn 750,68 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

Các chỉ tiêu cụ thể sử dụng đất phi nông nghiệp của huyện năm 2024, như sau:

*** Đất quốc phòng**

- Kế hoạch năm 2024 diện tích là 411,50 ha, chiếm 0,61% diện tích tự nhiên, tăng 50,83 ha.

- Diện tích tăng do chuyển từ đất trồng cây lâu năm 45,98 ha, đất rừng sản xuất 4,84 ha, đất ở tại nông thôn 0,01 ha, Diện tích tăng để thực hiện các công trình quốc phòng trên địa bàn huyện trong năm 2024.

Số TT	Danh mục công trình, dự án	Mã QH	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm
1	Thao trường huấn luyện huyện Đắc Mil	CQP	42,00	Đắc R'La
2	Đồn Biên Phòng Cửa Khẩu (nhà làm việc đội công tác)	CQP	0,02	Thuận An
3	Đất quốc phòng	CQP	4,80	Đắc Lao
4	Chốt chiến đấu Dân quân thường trực tại xã biên giới Thuận An, huyện Đắc Mil	CQP	1,32	Thuận An

Số TT	Danh mục công trình, dự án	Mã QH	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm
5	Chốt chiến đấu Dân quân thường trực tại xã biên giới Đăk Lao, huyện Đăk Mil	CQP	1,78	Đăk Lao
6	Công trình quốc phòng	CQP	0,91	Đăk Lao; Thuận An; Đăk N'Drot; Đăk R'La
7	Điểm chốt dân quân xã Đăk Lao	CQP	1,10	Đăk Lao
8	Điểm chốt dân quân xã Thuận An	CQP	1,67	Thuận An

- Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 561,00 ha. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2024 là 411,50 ha thấp hơn 149,51 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

*** Đất an ninh**

- Kế hoạch năm 2024 diện tích là 10,37 ha, chiếm 0,02% diện tích tự nhiên, tăng 1,38 ha so với hiện trạng năm 2023;

- Diện tích tăng do chuyển từ đất trồng lúa nước 0,10 ha, đất trồng cây lâu năm 1,18 ha, để thực hiện dự án trụ sở làm việc công an các xã và trụ sở đội công an phòng cháy chữa cháy trên địa bàn huyện.

Số TT	Danh mục công trình, dự án	Mã QH	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm
1	Đất trụ sở công an xã Long Sơn	CAN	0,10	Long Sơn
2	Trụ sở công an xã Đức Mạnh	CAN	0,25	Đức Mạnh
3	Trụ sở công an xã Đăk Gằn	CAN	0,10	Đăk Gằn
4	Trụ sở Công an PCCC	CAN	0,93	Thuận An

- Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 10,31 ha. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2024 là 10,37 ha cao hơn 0,06 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

*** Đất thương mại, dịch vụ**

- Kế hoạch năm 2024 diện tích là 73,46 ha, chiếm 0,11% diện tích tự nhiên, tăng 56,04 ha so với hiện trạng;

- Diện tích tăng do chuyển từ đất trồng cây lâu năm 53,93 ha, Đất trồng cây hàng năm khác 8,00 ha.

Số TT	Danh mục công trình, dự án	Mã QH	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm
1	Hạ tầng khu thương mại, dịch vụ và dân cư	TMD	6,70	Đức Minh
2	Đất thương mại dịch vụ Xã Đăk N'Drot	TMD	0,10	Đăk N'Drot
3	Trung tâm OCOP và điểm dừng chân huyện Đăk Mil (Giai đoạn 1)	TMD	5,00	Đăk N'Drot
4	Trung tâm trưng bày, chăm sóc ô tô và dịch vụ nhà hàng, khách sạn	TMD	0,81	TT Đăk Mil
5	Kêu gọi đầu tư thương mại dịch vụ (đất QH Bệnh viện Nam Tây Nguyên cũ)	TMD	8,00	Đăk Lao

- Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 169,77 ha. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2024 là 73,46 ha thấp hơn 96,31 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

*** Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp**

- Kế hoạch năm 2024 diện tích là 38,95 ha, chiếm 0,06% diện tích tự nhiên, tăng 22,70 ha so với hiện trạng năm 2023;

- Diện tích tăng do chuyển từ đất trồng cây lâu năm 22,70 ha. Để thực hiện công trình, dự án Nhà máy chế biến sâu nông sản, trái cây công nghệ cao, kho dự trữ, bảo quản thành phẩm, bãi tập kết nguyên liệu 16,9 ha, Trung tâm bảo quản nông nghiệp CNC Thuận An 5,8 ha.

- Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 111,00 ha. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2024 là 38,95 ha thấp hơn 72,05 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

*** Đất cho hoạt động khoáng sản**

- Kế hoạch năm 2024 diện tích là 3,42 ha, chiếm 0,01% diện tích tự nhiên, giữ nguyên so với hiện trạng năm 2023;

- Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 3,42 ha. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2024 bằng chỉ tiêu quy hoạch, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

*** Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm**

- Kế hoạch năm 2024 diện tích là 95,65 ha, chiếm 0,14% tổng diện tích tự nhiên, tăng 60,33 ha so với hiện trạng 2023;

- Diện tích tăng do chuyển từ đất trồng cây lâu năm 53,70 ha, để thực hiện các mỏ đất phục vụ san lấp mặt bằng. Cụ thể:

Số TT	Danh mục công trình, dự án	Mã QH	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm
1	Mỏ vật liệu san lấp số 1 xã Đăk Găn, huyện Đăk Mil	SKX	5,00	Đăk Găn
2	Mỏ vật liệu san lấp số 2 xã Đăk Găn, huyện Đăk Mil	SKX	21,96	Đăk Găn
3	Mỏ vật liệu san lấp xã Đăk R'La, huyện Đăk Mil	SKX	22,20	Đăk R'La
4	Mỏ vật liệu san lấp xã Long Sơn, huyện Đăk Mil	SKX	4,54	Long Sơn
5	Mỏ đất Thạch Lợi	SKX	6,63	Đức Mạnh

- Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 142,51 ha. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2024 là 95,65 ha thấp hơn 46,86 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

*** Đất phát triển hạ tầng**

- Kế hoạch năm 2024 diện tích là 2.567,05 ha, chiếm 3,78% tổng diện tích tự nhiên, tăng 259,79 ha so với hiện trạng năm 2023;

- Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 3.065,32 ha. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2024 là 2.567,05 ha thấp hơn 498,27 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

Cụ thể các loại đất phát triển hạ tầng như sau:

- Đất giao thông:

+ Kế hoạch năm 2024 diện tích là 1.334,49 ha, tăng 39,38 ha so với hiện trạng và chiếm 1,97% diện tích tự nhiên;

+ Diện tích tăng 3,78 ha do chuyển qua đất thủy lợi (công trình hồ Đăk Gang)

+ Diện tích tăng do chuyển từ đất trồng lúa 1,69 ha, đất trồng cây lâu năm 75,83 ha, đất ở tại nông thôn 0,82 ha, đất ở tại đô thị 0,10 ha, đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối 0,13 ha.

Số TT	Danh mục công trình, dự án	Mã QH	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm
1	Tiểu Dự án nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước từ các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông	DGT	27,10	TT Đắk Mil; Thuận An, Đức Minh, Đắk Lao
2	Đường vành đai Hồ Tây (Giai đoạn 2); hạng mục: Vĩa hè, thoát nước, điện chiếu sáng (từ đường Nguyễn Du đến đường đi QL 14)	DGT	3,50	TT Đắk Mil, Thuận An
3	Đường giao thông từ xã Đức Minh đi Đức Mạnh, huyện Đắk Mil (Đ16)	DGT	2,5	TT Đắk Mil, Đức Minh, Đức Mạnh
4	Đường giao thông từ cửa khẩu Đắk Per, Xã Thuận An đi Tỉnh lộ 3 (ĐT683) xã Đức Minh, huyện Đắk Mil (giai đoạn 1)	DGT	4,80	Đức Minh và Thuận An
5	Đường liên xã Đức Minh - Thuận An, huyện Đắk Mil	DGT	3,90	Đức Minh, Thuận An
6	Dự án cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 2	DGT	5,60	Đức Minh, Đắk Sắk, Đức Mạnh
7	Đường giao thông liên xã Đắk R'la đi xã Đắk N'Drot, huyện Đắk Mil	DGT	6,30	Đắk R'La, Đắk N'Drot
8	Dự án cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 3	DGT	3,62	Đức Minh, Long Sơn, Đắk Sắk
9	Trục đường còn lại của Hoa viên khu dân cư tổ dân phố 13	DGT	0,20	TT Đắk Mil
10	Đường giao thông từ Bản Cao Lạng đi Nam Xuân Krông Nô (ĐH11-A)	DGT	0,50	Đắk Gằn
11	Đường liên xã Đức Mạnh - Đức Minh - Đắk Sắk (từ QL 14 đi tỉnh lộ 682)	DGT	1,50	Đức Minh, Đức Mạnh, Đắk Sắk
12	Đường từ đường Lê Duẩn đi Trụ sở UBND xã Đức Minh mới (Giai đoạn 1)	DGT	4,50	Đức Minh
13	Đường từ QL 14 đi qua Trung tâm hành chính mới đi Tỉnh lộ 683	DGT	5,40	Đắk Lao, Thuận An
14	Đường Lê Lợi	DGT	0,67	TT Đắk Mil
15	Dự án định canh, định cư tập trung xã Đắk R'La, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông	DGT	2,34	Đắk R'La
16	Dự án ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn bon Đắk Sắk và bon Đắk Mâm, xã Đắk Sắk, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông	DGT	2,50	Đắk Sắk
17	Dự án ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn bon Đắk Láp, xã Đắk Gằn và Bon Jun Juh, xã Đức Minh, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông	DGT	1,98	Đắk Gằn, Đức Minh
18	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Trãi	DGT	1,73	TT Đắk Mil
19	Đường từ Quốc lộ 14 nối đường liên xã Đức Minh - Thuận An (Giai đoạn 1)	DGT	1,12	Đức Minh, Thuận An
20	Dự án ổn định dân di cư tự do xã Đắk N'Drót	DGT	1,00	Đắk N'Drot
21	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng đường nối từ đường Trần Phú đi QL 14C	DGT	0,50	TT Đắk Mil

- Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 1.493,09 ha. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2024 là 1.334,49 ha thấp hơn 158,60 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

- Đất thủy lợi:

+ Kế hoạch năm 2024 diện tích là 952,38 ha, tăng 209,65 ha so với hiện trạng và chiếm 1,40% diện tích tự nhiên;

+ Diện tích tăng do chuyển từ đất trồng cây lâu năm 126,03 ha, đất nuôi trồng thủy sản 12,13 ha, đất giao thông 38,43 ha, đất sông ngòi, kênh rạch, suối 42,66 ha;

Đất thủy lợi tăng để thực hiện các dự án: Hồ Đắc Klo Ou, xã Đắc Lao 25,0 ha; Dự án Hồ suối 38, tỉnh Đắc Nông 29,0 ha; Hồ Đắc Gang (Hồ và hệ thống kênh sau lưu vực 1) 184,60 ha,

- Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 991,42 ha. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2024 là 952,38 ha thấp hơn 39,04 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

- Đất xây dựng cơ sở văn hóa:

+ Kế hoạch năm 2024 diện tích là 2,78 ha, giữ nguyên so với hiện trạng năm 2023;

- Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 5,38 ha. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2024 là 2,78 ha thấp hơn 2,60 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

- Đất xây dựng cơ sở y tế:

+ Kế hoạch năm 2024 diện tích là 7,10 ha tăng 0,19 ha so với hiện trạng năm 2023.

Đất xây dựng cơ sở y tế tăng để thực hiện các dự án: Trụ sở y tế thị trấn Đắc Mil 0,19 ha.

+ Diện tích giảm do đã thực hiện công trình dự án Mở rộng trạm y tế xã Đắc R'La 0,02 ha, Trạm y tế (khu dân cư số 2) 0,12 ha.

- Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 7,07 ha. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2024 là 7,10 ha cao hơn 0,03 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

- Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo:

+ Kế hoạch năm 2024 diện tích là 61,22 ha tăng 2,47 ha so với hiện trạng năm 2023.

+ Diện tích tăng 2,47 ha do chuyển từ đất cây lâu năm

Số TT	Danh mục công trình, dự án	Mã QH	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm
1	Cơ sở giáo dục tư thục	DGD	2,47	Đắc Lao
2	Phân hiệu trường Măng Non	DGD	0,19	Đắc N'Drot
3	Phân hiệu trường Hà Huy Tập (thôn 6)	DGD	0,63	Đắc N'Drot
4	Mở rộng trường tiểu học Bi Năng Tác	DGD	0,08	Đắc Gản

- Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 65,17 ha. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2024 là 61,22 ha thấp hơn 3,95 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

- Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao:

+ Kế hoạch năm 2024 diện tích là 13,45 ha giảm 0,81 ha so với hiện trạng năm 2023;

+ Diện tích giảm do chuyển Trung tâm trung bày, chăm sóc ô tô và dịch vụ nhà hàng, khách sạn 0,72 ha.

- Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 19,71 ha. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2024 là 13,45 ha thấp hơn 6,25 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

- Đất công trình năng lượng:

+ Kế hoạch năm 2024 diện tích là 35,29 ha tăng 0,55 ha so với hiện trạng năm 2023;

+ Diện tích tăng 0,55 ha do chuyển từ đất trồng cây lâu năm, thực hiện dự án Trạm biến áp 110kv Đắc Mil 2 và đầu nối 0,55 ha.

- Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 302,55 ha. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2024 là 35,29 ha thấp hơn 267,26 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

- Đất bưu chính viễn thông:

+ Kế hoạch năm 2024 diện tích là 0,45 ha, giữ nguyên so với hiện trạng năm 2023;

- Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 0,46 ha. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2024 là 0,45 ha thấp hơn 0,01 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

- Đất bãi thải, xử lý chất thải:

+ Kế hoạch năm 2024 diện tích là 16,16 ha tăng 8,19 ha so với hiện trạng năm 2023;

+ Diện tích tăng do chuyển từ đất trồng cây lâu năm 8,19 ha (thực hiện dự án Nhà máy xử lý và tái chế chất thải rắn Đắc Mil, bãi rác xã Đắc N'Drot).

- Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 29,71 ha. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2024 thấp hơn 13,55 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

- Đất cơ sở tôn giáo:

+ Kế hoạch năm 2024 diện tích là 40,77 ha tăng 0,17 ha so với hiện trạng năm 2023 và chiếm 0,14% diện tích tự nhiên;

+ Diện tích tăng do chuyển từ đất trồng cây lâu năm 0,17 ha. Thực hiện công trình CDMĐ sử dụng đất đất tôn giáo Tu Trấp bon SaPa.

- Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 42,50 ha. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2024 là 40,77 ha thấp hơn 1,73 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa:

+ Kế hoạch năm 2024 diện tích là 93,82 ha, không thay đổi so với hiện trạng năm 2023 và chiếm 0,14% diện tích tự nhiên;

- Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 95,58 ha. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2024 là 93,82 ha thấp hơn 1,76 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

- Đất chợ:

+ Kế hoạch năm 2024 diện tích là 4,16 ha, không thay đổi so với hiện trạng năm 2023 và chiếm 0,01% diện tích tự nhiên;

- Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 3,70 ha. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2024 là 4,16 ha cao hơn 0,46 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

*** Đất sinh hoạt cộng đồng**

- Kế hoạch năm 2024 diện tích là 7,23 ha, chiếm 0,01% tổng diện tích tự nhiên, tăng 0,17 ha so với hiện trạng năm 2023;

- Diện tích tăng do sang công trình, dự án cụ thể:

Số TT	Danh mục công trình, dự án	Mã QH	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm
1	Hội trường thôn 2	DSH	0,04	Đắk N'Drot
2	Hội trường thôn Thuận Hòa	DSH	0,05	Thuận An
3	Hội trường tổ dân phố 16(cũ)	DSH	0,03	TT Đắk Mil
4	Hội trường tổ dân phố 1(cũ)	DSH	0,02	TT Đắk Mil
5	Hội trường TDP 8	DSH	0,03	TT Đắk Mil

- Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 8,44 ha. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2024 là 7,23 ha thấp hơn 1,21 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

*** Đất vui chơi, giải trí công cộng**

- Kế hoạch năm 2024 diện tích là 6,98 ha, chiếm 0,01% tổng diện tích tự nhiên, không thay đổi so với hiện trạng năm 2023;

- Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 47,44 ha. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2024 là 6,98 ha thấp hơn 40,46 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

*** Đất ở tại nông thôn**

- Kế hoạch năm 2024 diện tích là 664,56 ha, chiếm 0,98% tổng diện tích tự nhiên, tăng 23,45 ha so với hiện trạng năm 2023;

- Diện tích tăng để chuyển mục đích cho hộ gia đình cá nhân trên địa bàn cụ thể :

Số TT	Danh mục công trình, dự án	Mã QH	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích tăng thêm	Địa điểm
1	Đất ở nông thôn, chuyên mục đích đất ở tại xã Đắk Gàn	ONT	3,00	2,91	Đắk Gàn
2	Đất ở nông thôn, chuyên mục đích đất ở tại xã Đắk R'La	ONT	3,00	2,73	Đắk R'La
3	Đất ở nông thôn, chuyên mục đích đất ở tại xã Đắk N'Drot	ONT	2,00	0,91	Đắk N'Drot
4	Đất ở nông thôn, chuyên mục đích đất ở tại xã Đức Minh	ONT	3,00	2,39	Đức Minh
5	Đất ở nông thôn, chuyên mục đích đất ở tại nông thôn	ONT	6,00	5,71	Thuận An
6	Đất ở nông thôn, chuyên mục đích đất ở tại xã Đắk Lao	ONT	3,00	1,96	Đắk Lao
7	Đất ở nông thôn, chuyên mục đích đất ở tại xã Long Sơn	ONT	1,50	1,41	Long Sơn
8	Đất ở nông thôn, chuyên mục đích đất ở	ONT	3,00	2,13	Đức

Số TT	Danh mục công trình, dự án	Mã QH	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích tăng thêm	Địa điểm
	tại xã Đức Mạnh				Mạnh
9	Đất ở nông thôn, chuyên mục đích đất ở tại xã Đăk Săk	ONT	5,00	4,13	Đăk Săk

- Diện tích giảm do chuyển sang Đồn Biên Phòng Cửa Khẩu (nhà làm việc đội công tác) 0,01 ha.

- Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 597,79 ha. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2024 là 664,56 ha cao hơn 66,77 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

*** Đất ở tại đô thị**

- Kế hoạch năm 2024 diện tích là 68,05 ha, tăng 0,60 ha so với hiện trạng và chiếm 0,10% diện tích tự nhiên;

- Diện tích tăng do thực hiện công trình dự án Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở đô thị nhu cầu hộ gia đình, các nhân tại thị trấn Đăk Mil, Khu đất sau trường Trần Hưng Đạo.

- Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 406,33 ha. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2024 là 68,05 ha thấp hơn 338,28 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

*** Đất xây dựng trụ sở cơ quan**

- Kế hoạch năm 2024 diện tích là 14,44 ha, giảm 0,32 ha so với hiện trạng năm 2023 và chiếm 0,02% diện tích tự nhiên;

- Diện tích giảm, do chuyển sang đất Hội trường tổ dân phố 16(cũ) 0,03 ha, Trạm y tế thị trấn Đăk Mil 0,19 ha, Trụ sở công an xã Đăk Găn 0,1 ha

- Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 52,97 ha. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2024 thấp hơn 38,53 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

*** Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp**

- Kế hoạch năm 2024 diện tích là 4,59 ha, chiếm 0,01% diện tích tự nhiên, giữ nguyên hiện trạng;

- Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 4,51 ha. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2024 là 4,59 ha cao hơn 0,08 ha, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

*** Đất cơ sở tín ngưỡng**

- Kế hoạch năm 2024 diện tích là 0,08 ha, giữ nguyên hiện trạng;

- Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 0,08 ha. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2024 bằng chỉ tiêu quy hoạch, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

*** Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối**

- Kế hoạch năm 2024 diện tích là 997,45 ha, giảm 41,79 ha so với hiện trạng và chiếm 1,47% diện tích tự nhiên;

- Diện tích tăng do chuyển sang Dự án Hồ suối 38, tỉnh Đăk Nông 5,8 ha, Hồ Đăk Gang (Hồ và hệ thống kênh sau lưu vực 1) 36,86 ha, Đường giao thông từ cửa khẩu Đăk Per, Xã Thuận An đi Tỉnh lộ 3 (ĐT683) xã Đức Minh, huyện Đăk Mil (giai đoạn 1) 0,13 ha.

- Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 443,25 ha. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2024 là 997,45 ha cao hơn 554,20 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

3.2.3. Đất chưa sử dụng

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 diện tích đất chưa sử dụng là 43,03 ha chiếm 0,06% diện tích tự nhiên, giảm 26,51 ha so với năm 2023. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch 2023 là 26,50 ha, bố trí sử dụng cho đất trồng cây lâu năm,

Diện tích giảm do chuyển Đất chưa sử dụng chuyển qua đất cây lâu năm 26,51 ha.

- Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 20,16 ha. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2024 là 43,03 ha cao hơn 22,88 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

3.3. Tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Đắk Mil phân theo đơn vị hành chính

Căn cứ nhu cầu thực hiện các chương trình, các chương trình dự án đầu tư công... và nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, các tổ chức, hộ gia đình cá nhân trong năm 2024. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2024 của huyện Đắk Mil phân bổ chi tiết đến từng đơn vị hành chính cấp xã như sau:

Bảng 3.2: Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 cho từng đơn vị hành chính cấp xã

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích 2024	Diện tích phân theo đơn vị hành chính									
				TT Đăk Mil	Xã Đăk Gằn	Xã Đăk Lao	Xã Đăk N'Drôt	Xã Đăk R'La	Xã Đăk Sắk	Xã Đứk Mạnh	Xã Đứk Minh	Xã Long Sơn	Xã Thuận An
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+,, ,+(14)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
	Loại đất		67.901,69	481,68	7.640,60	25.385,98	4.652,78	9.082,16	3.112,53	4.902,19	3.434,74	3.014,38	6.194,67
1	Đất nông nghiệp <i>Trong đó:</i>	NNP	62.870,38	211,06	7.073,51	24.357,65	4.387,19	8.455,18	2.766,87	4.457,95	2.907,99	2.807,53	5.445,44
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1.118,10	0,14	108,24	-	49,05	65,14	192,47	114,74	370,76	97,98	119,57
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	710,21	-	-	-	-	-	91,26	105,84	349,97	50,46	112,69
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	3.914,81	6,25	496,82	100,28	508,20	2.343,33	0,40	192,04	13,63	233,19	20,68
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	37.395,70	197,10	6.386,46	4.341,90	3.774,13	5.854,54	2.544,04	4.108,30	2.487,35	2.456,90	5.244,99
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	2.408,29	-	-	2.408,29	-	-	-	-	-	-	-
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	17.504,09	2,67	11,29	17.429,71	-	22,61	-	23,99	-	-	13,82
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	17.414,21	-	-	17.359,53	-	22,61	-	19,19	-	-	12,87
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	222,85	4,90	25,28	49,93	29,14	12,42	26,68	14,53	27,15	3,80	29,01
1.8	Đất làm muối	LMU	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	306,54	-	45,43	27,55	26,66	157,14	3,28	4,36	9,09	15,66	17,37
2	Đất phi nông nghiệp <i>Trong đó:</i>	PNV	4.988,28	270,62	564,77	1.023,26	265,11	597,39	345,65	444,24	526,75	206,84	743,64
2.1	Đất quốc phòng	CQP	411,50	9,66	-	303,87	4,44	45,60	5,55	16,94	-	-	25,45
2.2	Đất an ninh	CAN	10,37	1,41	0,10	0,15	0,20	0,10	0,15	0,25	0,13	0,10	7,78
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	24,50	-	-	-	-	-	-	-	-	-	24,50
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	73,46	31,55	2,61	17,03	5,84	1,92	0,71	2,09	7,25	0,18	4,28

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích 2024	Diện tích phân theo đơn vị hành chính									
				TT Đắk Mil	Xã Đắk Gằn	Xã Đắk Lao	Xã Đắk N'Drót	Xã Đắk R'La	Xã Đắk Sắk	Xã Đức Mạnh	Xã Đức Minh	Xã Long Sơn	Xã Thuận An
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+,, +(14)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	38,95	0,82	-	4,14	-	0,06	16,90	-	-	-	17,03
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	3,42	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3,42
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	95,65	-	26,96	11,68	-	33,21	-	11,60	-	12,20	-
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh Trong đó:	DHT	2.567,05	143,01	292,38	375,88	146,62	301,94	182,25	217,02	349,63	124,30	434,03
-	Đất giao thông	DGT	1.334,49	51,28	135,31	208,38	102,94	136,77	104,84	166,99	145,74	70,62	211,61
-	Đất thủy lợi	DTL	952,38	68,08	133,00	142,35	26,93	145,34	38,61	20,42	169,49	13,65	194,52
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	2,78	2,70	-	0,05	-	-	-	-	-	-	0,03
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	7,10	1,60	0,18	0,23	0,28	0,22	0,21	0,32	0,10	0,28	3,68
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	61,22	11,21	3,37	3,55	5,71	7,46	10,01	5,52	5,19	1,81	7,39
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	13,45	3,83	0,65	0,19	0,29	0,62	1,45	1,63	2,28	-	2,52
-	Đất công trình năng lượng	DNL	35,29	-	2,39	-	0,30	0,63	-	-	-	31,97	-
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,45	0,20	0,02	-	0,06	0,04	0,02	0,09	-	-	0,02
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	4,60	-	-	0,25	-	-	4,35	-	-	-	-
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	16,16	-	2,00	11,10	2,00	0,56	0,50	-	-	-	-
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	40,77	0,63	1,47	-	1,77	2,11	10,18	6,52	14,68	-	3,41
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang	NTD	93,82	2,26	13,62	9,78	6,34	7,53	11,11	15,11	11,48	5,97	10,61

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích 2024	Diện tích phân theo đơn vị hành chính									
				TT Đắk Mil	Xã Đắk Găn	Xã Đắk Lao	Xã Đắk N'Drót	Xã Đắk R'La	Xã Đắk Sắk	Xã Đức Mạnh	Xã Đức Minh	Xã Long Sơn	Xã Thuận An
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+,, +(14)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
	lễ, nhà hỏa táng												
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	0,38	0,38	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Đất chợ	DCH	4,16	0,84	0,37	-	-	0,65	0,96	0,43	0,65	-	0,25
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	7,23	0,66	1,41	0,37	1,41	0,22	1,00	0,85	0,20	0,35	0,75
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	6,98	6,98	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	664,56	- 0,02	51,47	67,97	41,92	65,35	95,16	105,25	125,79	15,82	95,85
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	68,05	68,05	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	14,44	4,69	0,50	1,72	0,52	0,62	0,91	0,26	2,16	0,58	2,49
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	4,59	1,07	-	1,10	-	-	-	-	-	-	2,42
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,08	-	-	0,06	-	-	-	0,02	-	-	-
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	997,45	2,75	189,34	239,30	64,15	148,37	43,02	89,96	41,61	53,31	125,64
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Đất chưa sử dụng	CSD	43,04	-	2,31	5,06	0,49	29,58	-	-	-	-	5,59

3.4. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích

Trong năm kế hoạch sử dụng đất 2024 diện tích các loại đất nông nghiệp chuyển sang mục đích phi nông nghiệp là 433,18

ha, Cụ thể diện tích các loại đất nông nghiệp chuyển sang mục đích phi nông nghiệp tại các xã như sau:

- Đất trồng lúa chuyển mục đích sang đất phi nông nghiệp: 9,93 ha.
- Đất trồng cây hàng năm khác chuyển mục đích sang đất phi nông nghiệp: 15,60 ha.
- Đất trồng cây lâu năm chuyển mục đích sang đất phi nông nghiệp: 391,48 ha.
- Đất rừng sản xuất chuyển qua đất phi nông nghiệp: 4,84 ha.
- Đất nuôi trồng thủy sản chuyển qua đất phi nông nghiệp: 11,33 ha.

(Đơn vị tính: ha)

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính									
				TT Đăk Mil	Xã Đăk Gản	Xã Đăk Lao	Xã Đăk N'Drót	Xã Đăk R'La	Xã Đăk Sắk	Xã Đứk Mạnh	Xã Đứk Minh	Xã Long Sơn	Xã Thuận An
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(14)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	433,18	40,88	81,95	56,33	9,87	139,98	24,86	17,55	24,43	7,32	30,01
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	9,93	-	1,70	-	-	6,40	-	-	1,72	0,10	0,01
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	1,73	-	-	-	-	-	-	-	1,72	-	0,01
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	15,60	0,32	0,87	8,59	0,27	0,82	1,24	0,64	0,72	0,42	1,71
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	391,48	40,56	75,69	42,90	9,60	125,12	23,62	16,91	21,99	6,80	28,29
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	4,84	-	-	4,84	-	-	-	-	-	-	-
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN/PNN</i>	4,84	-	-	4,84	-	-	-	-	-	-	-
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	11,33	-	3,69	-	-	7,64	-	-	-	-	-
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		227,50	-	19,60	-	-	150,70	2,00	10,00	10,00	5,20	10,00

2.1	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất cây lâu năm	HNK/CLN	72,00	-	15,00	-	-	25,00	2,00	10,00	10,00	-	10,00
2.2	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nông nghiệp khác	HNK/NKH	40,20	-	0,50	-	-	39,70	-	-	-	-	-
2.3	Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất nông nghiệp khác	CLN/NKH	115,30	-	4,10	10,00	10,00	86,00	-	-	-	5,20	-
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

3.5. Diện tích đất cần thu hồi

Diện tích đất cần thu hồi trong năm 2024 để thực hiện các công trình, dự án là 352,90 ha với 33 công trình dự án, Trong đó:

Diện tích các loại đất cần thu hồi: Thu hồi đất trồng lúa 9,83 ha, đất trồng cây lâu năm 245,99 ha, đất rừng sản xuất 4,80 ha, đất nuôi trồng thủy sản 11,33 ha; đất giao thông 38,23 ha, đất ở tại nông thôn 0,83 ha, đất ở tại đô thị 0,10 ha, đất sông ngòi, kênh rạch, suối 41,79 ha. Diện tích các loại đất cần thu hồi trong năm 2024 được phân bổ theo từng xã, thị trấn như sau:

(Đơn vị tính: ha)

ST T	CHỈ TIÊU	Mã	Tổng diện tích (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính									
				TT Đăk Mil	Xã Đăk Gản	Xã Đăk Lao	Xã Đăk N'Drót	Xã Đăk R'La	Xã Đăk Sắk	Xã Đứk Mạnh	Xã Đứk Minh	Xã Long Sơn	Xã Thuận An
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(14)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	Đất nông nghiệp	NNP	271,95	11,12	50,41	37,49	3,48	114,73	3,83	8,79	23,71	1,27	17,12
	Trong đó:												
1.1	Đất trồng lúa	LUA	9,83	-	1,70	-	-	6,40	-	-	1,72	-	0,01
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	1,73	-	-	-	-	-	-	-	1,72	-	0,01
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	245,99	11,12	45,02	32,69	3,48	100,69	3,83	8,79	21,99	1,27	17,11

ST T	CHỈ TIÊU	Mã	Tổng diện tích (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính									
				TT Đăk Mil	Xã Đăk Găn	Xã Đăk Lao	Xã Đăk N'Drôt	Xã Đăk R'La	Xã Đăk Săk	Xã Đức Mạnh	Xã Đức Minh	Xã Long Sơn	Xã Thuận An
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(14)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	4,80	-	-	4,80	-	-	-	-	-	-	-
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	RSN	4,80	-	-	4,80	-	-	-	-	-	-	-
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	11,33	-	3,69	-	-	7,64	-	-	-	-	-
1.8	Đất làm muối	LMU	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Đất phi nông nghiệp <i>Trong đó:</i>	PNN	80,95	0,10	36,92	-	-	42,97	-	0,78	0,17	-	0,01
2.1	Đất quốc phòng	CQP	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.2	Đất an ninh	CAN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh	DHT	38,23	-	18,88	-	-	19,35	-	-	-	-	-
-	Đất giao thông	DGT	38,23	-	18,88	-	-	19,35	-	-	-	-	-
2.1 0	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.1 1	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

ST T	CHỈ TIÊU	Mã	Tổng diện tích (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính									
				TT Đắk Mil	Xã Đắk Gản	Xã Đắk Lao	Xã Đắk N'Drót	Xã Đắk R'La	Xã Đắk Sắk	Xã Đức Mạnh	Xã Đức Minh	Xã Long Sơn	Xã Thuận An
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+... +(14)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
2.1 2	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.1 3	Đất ở tại nông thôn	ONT	0,83	-	-	-	-	-	-	0,78	0,04	-	0,01
2.1 4	Đất ở tại đô thị	ODT	0,10	0,10	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.1 5	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.1 6	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.1 7	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.1 8	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.1 9	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	41,79	-	18,04	-	-	23,62	-	-	0,13	-	-
2.2 0	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.2 1	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Bảng 3.4.1: Danh mục công trình dự án khi thực hiện phải thu hồi đất

STT	Hạng Mục	Mã loại đất	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
Tổng cộng: 33 danh mục		33 CT		
1	Trụ sở công an xã Đức Mạnh	CAN	0,25	Đức Mạnh
2	Thao trường huấn luyện huyện Đắk Mil	CQP	42,0	Đắk R'La
3	Đồn Biên Phòng Cửa Khẩu (nhà làm việc đội công tác)	CQP	0,02	Thuận An
4	Đất quốc phòng	CQP	4,8	Đắk Lao
5	Chốt chiến đấu Dân quân thường trực tại xã biên giới Thuận An, huyện Đắk Mil	CQP	1,32	Thuận An
6	Chốt chiến đấu Dân quân thường trực tại xã biên giới Đắk Lao, huyện Đắk Mil	CQP	1,78	Đắk Lao
7	Tiểu Dự án nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước từ các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông	DGT	27,1	TT Đắk Mil; Thuận An, Đức Minh, Đắk Lao
8	Đường vành đai Hồ Tây (Giai đoạn 2); hạng mục: Vía hè, thoát nước, điện chiếu sáng (từ đường Nguyễn Du đến đường đi QL 14)	DGT	3,5	TT Đắk Mil, Thuận An
9	Đường giao thông từ xã Đức Minh đi Đức Mạnh, huyện Đắk Mil (Đ16)	DGT	2,5	TT Đắk Mil, Đức Minh, Đức Mạnh
10	Đường giao thông từ cửa khẩu Đắk Per, Xã Thuận An đi Tỉnh lộ 3 (ĐT683) xã Đức Minh, huyện Đắk Mil (giai đoạn 1)	DGT	4,8	Đức Minh và Thuận An
11	Đường liên xã Đức Minh - Thuận An, huyện Đắk Mil	DGT	3,9	Đức Minh, Thuận An
12	Dự án cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 2	DGT	5,6	Đức Minh, Đắk Sắk, Đức Mạnh
13	Đường giao thông liên xã Đắk R'la đi xã Đắk N'Drot, huyện Đắk Mil	DGT	6,3	Đắk R'La, Đắk N'Drot
14	Dự án cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 3	DGT	3,62	Đức Minh, Long Sơn, Đắk Sắk
15	Trục đường còn lại của Hoa viên khu dân cư tổ dân phố 13	DGT	0,2	TT Đắk Mil
16	Đường giao thông từ Bản Cao Lạng đi Nam Xuân Krông Nô (ĐH11-A)	DGT	0,5	Đắk Găn
17	Đường liên xã Đức Mạnh - Đức Minh - Đắk Sắk (từ QL 14 đi tỉnh lộ 682)	DGT	1,5	Đức Minh, Đức Mạnh, Đắk Sắk
18	Đường từ đường Lê Duẩn đi Trụ sở UBND xã Đức Minh mới (Giai đoạn 1)	DGT	4,5	Đức Minh

STT	Hạng Mục	Mã loại đất	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
19	Đường từ QL 14 đi qua Trung tâm hành chính mới đi Tỉnh lộ 683	DGT	5,4	Đắk Lao, Thuận An
20	Đường Lê Lợi	DGT	0,67	TT Đắk Mil
21	Dự án định canh, định cư tập trung xã Đắk R'La, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông	DGT	2,34	Đắk R'La
22	Dự án ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn bon Đắk Sắk và bon Đắk Mâm, xã Đắk Sắk, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông	DGT	2,5	Đắk Sắk
23	Dự án ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn bon Đắk Láp, xã Đắk Gắn và Bon Jun Juh, xã Đức Minh, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông	DGT	1,98	Đắk Gắn, Đức Minh
24	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Trãi	DGT	1,73	TT Đắk Mil
25	Đường từ Quốc lộ 14 nối đường liên xã Đức Minh - Thuận An (Giai đoạn 1)	DGT	1,12	Đức Minh, Thuận An
26	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng đường nối từ đường Trần Phú đi QL 14C	DGT	0,5	TT Đắk Mil
27	Trạm biến áp 110kv Đắk Mil 2 và đầu nối	DNL	0,55	Xã Đắk N'Drot, xã Đắk R'la
28	Nhà máy xử lý và tái chế chất thải rắn Đắk Mil	DRA	8,19	Đắk Lao
29	Hội trường TDP 8	DSH	0,03	TT Đắk Mil
30	Hồ Đắk Klo Ou, xã Đắk Lao	DTL	25,0	Đắk Lao
31	Dự án Hồ suối 38, tỉnh Đắk Nông	DTL	29,0	Đắk R'La
32	Hồ Đắk Gang (Hồ và hệ thống kênh sau lưu vực 1)	DTL	184,6	Đắk R'La, Đắk Gắn
33	Hạ tầng khu thương mại, dịch vụ và dân cư	TMD	6,7	Đức Minh

3.6. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng

Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng 26,51 ha, tại xã Đắk Gắn là 26,51 ha sử dụng từ mục đích đất trồng cây lâu năm.

3.7. Công trình, dự án thu hút đầu tư năm kế hoạch 2024

Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn huyện xác định hạng mục công trình, dự án để kêu gọi và thu hút đầu tư với 7 công trình dự án, tổng diện tích 77,60 ha, gồm có:

Bảng 3,5: Danh mục công trình, dự án kêu gọi và thu hút đầu tư năm 2024

STT	Hạng Mục	MĐSD	Diện tích (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
1	Các công trình kêu gọi đầu tư	7CT	77,60	
A	Dự án chuyển tiếp từ năm 2023	7CT	77,60	
1	Cơ sở giáo dục tư thục	DGD	2,47	Đắk Lao
2	Trung tâm trưng bày, chăm sóc ô tô và dịch vụ nhà hàng, khách sạn	TMD	0,81	TT Đắk Mil
3	Kêu gọi đầu tư thương mại dịch vụ (đất QH Bệnh viện Nam Tây Nguyên cũ)	TMD	8,00	Đắk Lao
4	Nhà máy chế biến sâu nông sản, trái cây công nghệ cao, kho dự trữ, bảo quản thành phẩm, bãi tập kết nguyên liệu	SKC	16,90	Đắk Sắk
5	Hạ tầng khu thương mại - dịch vụ, dân cư số 1	DTC	35,43	Đắk Lao, TT Đắk Mil
6	Nhà máy xử lý và tái chế chất thải rắn Đắk Mil	DRA	8,19	Đắk Lao
7	Trung tâm bảo quản nông nghiệp CNC Thuận An	SKC	5,80	Thuận An

3.8. Công trình, dự án đấu giá quyền sử dụng đất,

Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn huyện xác định 4 hạng mục đấu giá quyền sử dụng đất với diện tích 0,36 ha, gồm có:

Bảng 3.6: Các hạng mục đấu giá quyền sử dụng đất năm 2024

STT	Công trình dự án	Mã loại đất	Diện tích	Địa điểm
	Các công trình đấu giá quyền sử dụng đất		1,06	
A	Dự án chuyển tiếp từ năm 2023	3CT	1,06	
1	Khu đất sau trường Trần Hưng Đạo	ODT	0,12	TT Đắk Mil
2	Thửa đất giáp đường Văn Tiến Dũng, và đường Xuân Diệu khu gia binh	ODT	0,02	TT Đắk Mil
3	Thửa đất HTX Tiền Phong (cũ)	ONT	0,02	Thuận An
4	Phần còn lại của dự án Hoa Viên khu dân cư mới tổ dân phố 13	ODT	0,20	TT Đắk Mil

3.9. Danh mục các công trình, dự án đang ký mới năm 2024

Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 chưa thực hiện hết nhưng phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện chuyển sang kế hoạch sử dụng đất năm 2024. Đồng thời bổ sung một số chỉ tiêu phù hợp với kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện để thực hiện trong năm 2024. Tổng danh mục công trình, dự án dự kiến thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn huyện là 99 công trình, dự án trong đó: công trình chuyển tiếp năm 2023 sang 2024 là 85 công trình, dự án. Công trình đang ký mới năm 2024 là 14 công trình.

STT	Hạng Mục	MĐSD	Diện tích (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
1	Hội trường tổ dân phố 16(cũ)	DSH	0,03	TT Đắk Mil
2	Hội trường tổ dân phố 1(cũ)	DSH	0,02	TT Đắk Mil

STT	Hạng Mục	MĐSD	Diện tích	Địa điểm
3	Trạm y tế (khu dân cư số 2)	DYT	0,12	Thuận An
4	Đất nông nghiệp khác tại xã Đắk R'La	NKH	223,38	Đắk R'La
5	Đất nông nghiệp khác tại xã Đắk Lao	NKH	10,00	Đắk Lao
6	Đất nông nghiệp khác tại xã Đắk N'Drót	NKH	10,00	Đắk N'Drot
7	Hội trường TDP 8	DSH	0,03	TT Đắk Mil
8	Trạm biến áp 110kv Đắk Mil 2 và đầu nối	DNL	0,55	Xã Đắk N'Drot, xã Đắk R'la
9	Khu đất sau trường Trần Hưng Đạo	ODT	0,12	TT Đắk Mil
10	Thửa đất giáp đường Văn Tiên Dũng, và đường Xuân Diệu khu gia binh	ODT	0,02	TT Đắk Mil
11	Thửa đất HTX Tiên Phong (cũ)	ONT	0,02	Thuận An
12	Nhu cầu chuyển đổi mục đích trong nội bộ đất nông nghiệp tại các xã	CLN	72,0	Đắk R'La Đắk Gản Đức Minh Đắk Sắk Đức Mạnh Thuận An
13	Phần còn lại của dự án Hoa Viên khu dân cư mới tổ dân phố 13	ODT	0,20	TT Đắk Mil
14	Mỏ đất Thạch Lợi	SKX	6,63	Đức Mạnh

3.10. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm Kế hoạch sử dụng đất năm 2024

3.10.1.Cơ sở tính toán

Cơ sở để tính toán nguồn thu, chi do chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2024 được dựa vào các căn cứ sau:

- Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;
- Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền sử dụng đất; Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước. Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014, quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP. Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP;
- Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông Về việc sửa đổi, bổ Sung Bảng giá đất giai đoạn 2020 - 2024

trên địa bàn tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 29/4/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐUBND ngày 13/12/2023 của của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Quy định hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2024 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

- Căn cứ bảng giá giá bồi thường thiệt hại về hoa màu, cây cối, vật kiến trúc trên địa bàn tỉnh khi nhà nước thu hồi đất; căn cứ những chính sách ưu đãi của Nhà nước, của tỉnh đối với những doanh nghiệp thuê đất để đầu tư sản xuất kinh doanh,,,

3.10.2. Phương pháp tính toán

* Đối với các khoản thu:

- Thu tiền khi giao đất ở đô thị,
- Thu tiền khi giao đất ở nông thôn,
- *Thu tiền đấu giá quyền sử dụng đất,*

* Đối với các khoản chi:

Chi bồi thường khi thu hồi đất để chuyển sang mục đích sử dụng khác phải bồi thường bao gồm các hạng mục sau:

- Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng lúa;
- Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng cây hàng năm khác;
- Chi bồi thường khi thu hồi đất nuôi trồng thủy sản;
- Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng cây lâu năm;
- Chi bồi thường khi thu hồi đất ở đô thị;
- Chi bồi thường khi thu hồi đất ở nông thôn;

* Về giá các loại đất:

Lấy theo đơn giá đất được ban hành kèm theo Quyết định số 08/2020/QĐ-UBND, ngày 08/5/2020 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc Ban hành Quy định Bảng giá đất giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

* Về mức chi bồi thường khi thu hồi đất:

Theo cơ chế bồi thường về đất đai khi Nhà nước thu hồi đất, hỗ trợ về chi phí đầu tư vào đất, tài sản trên đất và các hỗ trợ khác trong quá trình giải phóng mặt bằng các dự án...

Chỉ tính đền bù đối với các diện tích thu hồi của các loại đất nông nghiệp, đất ở đô thị, đất ở nông thôn và đất chuyên dùng (không kể các loại đất giao thông, đất sông suối).

3.10.3. Dự tính các khoản thu, chi liên quan đến đất đai năm 2023

- Tổng nguồn thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất: 265,00 tỷ đồng,

- Tổng chi phí cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư,,,: 25,84 tỷ đồng

- Cân đối: 239,16 tỷ đồng (thu vượt chi),

Tuy nhiên, để tăng bớt gánh nặng ngân sách trong việc bồi thường khi thu hồi đất, huyện Đắk Mil cần tiếp tục thực hiện chính sách vận động nhân dân hiến

đất để xây dựng các công trình dự án, nhất là chương trình xây dựng nông thôn mới.

Việc xác định các khoản thu, chi nêu trên chỉ là tương đối và phụ thuộc vào nhiều yếu tố khách quan, các khoản chi bồi thường thực tế tính theo từng dự án cụ thể khi triển khai lập dự án khả thi.

PHẦN IV

CÁC GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

Để kế hoạch sử dụng đất có tính khả thi cao, đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng đất và hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của huyện trong năm 2024 Trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được UBND tỉnh phê duyệt, cần phải thực hiện các giải pháp như sau:

3.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường

- Thực hiện nghiêm túc các biện pháp quản lý đất rừng phòng hộ, rừng tự nhiên sản xuất, Khuyến khích các công ty, doanh nghiệp, cá nhân trồng và chăm sóc rừng nhằm tăng mật độ che phủ, hạn chế xói mòn, rửa trôi, sạt lở đất.

- Trong kế hoạch thực hiện chuyển đổi nội bộ trong đất nông nghiệp từ đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm sang đất nông nghiệp khác của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân để thực hiện các dự án, trang trại (trồng trọt, chăn nuôi), Cần kiểm soát chặt chẽ theo quy định về Luật chăn nuôi, Luật môi trường, tuân thủ theo ranh giới quy hoạch; tăng cường thanh tra, kiểm tra xử lý các cơ sở xả chất thải ô nhiễm ra môi trường, như: các cơ sở sản xuất, trang trại chăn nuôi.

- Khai thác hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên, tích cực trồng cây xanh, xử lý nghiêm các hành vi san ủi đồi núi dốc, hủy hoại môi trường sinh thái.

- Thực hiện nghiêm túc việc đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư, các công trình xây dựng trên địa bàn huyện; Ứng dụng các quy trình, giải pháp kỹ thuật để ngăn ngừa xử lý ô nhiễm môi trường, kiểm tra thường xuyên việc thực hiện và xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm.

3.2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất

- Thực hiện đào tạo và nâng cao chất lượng chuyên môn nghiệp vụ, năng lực và ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý đất đai tại các xã và thị trấn để đáp ứng yêu cầu quản lý đất đai hiện nay.

- Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, Triển khai có hiệu quả các giải pháp tạo nguồn thu, chống thất thu, tiết kiệm chi, chống thất thoát trong đầu tư xây dựng để tạo nguồn phục vụ cho đầu tư phát triển kinh tế địa phương.

- Vận động nhân dân góp vốn, xã hội hóa nguồn vốn để xây dựng các công trình dự án phục vụ cho mục đích công cộng, dân sinh như: giao thông nông thôn, thủy lợi nội đồng, các khu vui chơi giải trí công cộng và chỉnh trang các khu dân cư.

- Tăng cường xúc tiến đầu tư, giới thiệu tiềm năng đất đai của huyện để thu hút vốn đầu tư vào các lĩnh vực sản xuất nông nghiệp và chế biến, thương mại, dịch vụ...

3.3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất

3.1.1. Giải pháp về tuyên truyền

Sau khi kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện được UBND tỉnh phê duyệt, UBND huyện tổ chức công khai kế hoạch sử dụng đất năm 2024 tại UBND huyện và trên các phương tiện thông tin đại chúng, lồng ghép với các hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội, để các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân biết kế hoạch, thực hiện đúng kế hoạch đã được duyệt.

3.1.2. Giải pháp về cơ chế, chính sách

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý Nhà nước về đất đai, thực hiện kế hoạch sử dụng đất ở địa phương để có các giải pháp thực hiện tốt kế hoạch được phê duyệt.

- Xử lý nghiêm, đúng pháp luật những vi phạm trong quản lý, sử dụng đất và làm tổn hại đến môi trường.

- Vấn đề bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn huyện theo Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 22/01/2021 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc Ban hành ban hành quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

- Ưu tiên phát triển nông nghiệp theo hướng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong kế hoạch năm 2024: Dự án tổ hợp sản xuất chế biến các sản phẩm nông nghiệp và chăn nuôi công nghệ cao; Nhu cầu của tổ chức, hộ gia đình chuyên mục đích sang đất nông nghiệp khác trên địa bàn xã và thị trấn.

- Thực hiện những chính sách ưu đãi những hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện bị thu hồi đất, hết đất sản xuất, phải chuyển đến ở tại các khu tái định cư, phải tốt hơn nơi ở cũ và hỗ trợ đào tạo nghề, ưu tiên thu hút vào làm việc tại các Dự án tổ hợp sản xuất chế biến các sản phẩm nông nghiệp và chăn nuôi công nghệ cao, các cơ sở sản xuất kinh doanh và chế biến trên địa bàn huyện.

3.1.3. Giải pháp về tổ chức thực hiện

- Trên cơ sở các danh mục công trình thực hiện trong kỳ kế hoạch, xây dựng thành chỉ tiêu kế hoạch cụ thể cho từng địa bàn cấp xã; UBND huyện phân bổ kịp thời chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất cho các địa phương sau khi được phê duyệt và chỉ đạo các phòng ban phối hợp chặt chẽ thực hiện kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt.

- Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Thông báo cho chủ đầu tư công trình, dự án (người sử dụng đất) thực hiện đầy đủ về trình tự thủ tục về giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo thẩm quyền và quy định của pháp luật về đất đai. Giao đất kịp thời cho các chủ đầu tư để kịp thời triển khai thực hiện dự án.

- Giao phòng Tài chính - Kế hoạch bố trí nguồn vốn đầu tư để triển khai thực hiện các công trình, dự án từ nguồn ngân sách huyện trong kế hoạch sử dụng đất được duyệt.

- UBND các xã, thị trấn căn cứ theo kế hoạch sử dụng đất của huyện đã được duyệt, tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất thuộc phạm vi ranh giới hành chính cấp mình, thực hiện kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định pháp luật.

- Cập nhật dữ liệu vào hệ thống thông tin quản lý đất đai tại cơ sở để giúp cho UBND các cấp, cơ quan Tài nguyên Môi trường làm tốt công tác quản lý, thực hiện và thực hiện kế hoạch sử dụng đất nhằm đảm bảo tính thống nhất, đúng tiến độ và đúng mục đích sử dụng đất được duyệt, khắc phục tình trạng “dự án treo”, sử dụng đất không hiệu quả. Kiên quyết thu hồi diện tích đất các dự án không sử dụng, chậm tiến độ, sử dụng sai mục đích theo đúng quy định của Luật Đất đai.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã được phê duyệt. Kiểm soát chặt chẽ việc chuyển đất trồng lúa, đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ chuyển sang sử dụng vào các mục đích khác không đúng kế hoạch. Kiên quyết không giải quyết giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất các trường hợp không có trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024.

3.2. Các giải pháp về quản lý hành chính

Không cấp phép đầu tư, giao cấp đất đối với những dự án, công trình không đăng ký trong kỳ kế hoạch.

Phòng tài nguyên môi trường trực tiếp tham mưu ủy ban huyện, xúc tiến và hướng dẫn chi tiết các thủ tục cho từng công trình, dự án trong kế hoạch, nhanh chóng thẩm định và tiến hành thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thuê đất, giao cấp đất ngay từ khi kế hoạch đã được phê duyệt.

Tăng cường việc kiểm tra tiến độ thực hiện kế hoạch sử dụng đất của các ngành, chuyển mục đích sử dụng tại các xã, đặc biệt là đất ở; kiểm tra tình hình sử dụng đất công. Có biện pháp chế tài xử lý cụ thể đối với các trường hợp cố tình chậm triển khai thực hiện hoặc sử dụng đất sai mục đích khi được Nhà nước giao đất, cho thuê đất.

Ban quản lý dự án phối hợp các phòng tài chính kế hoạch, Phòng tài nguyên xử lý, tháo gỡ các khó khăn về tài chính, vốn để tiến hành giao đất xây dựng công trình thuộc nguồn vốn ngân sách huyện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024;

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN

Các nhu cầu của các ban ngành, các lĩnh vực, các tổ chức, hộ gia đình cá nhân trong năm 2024. Được cập nhật đầy đủ quy mô diện tích và trong phạm vi ranh giới trên bản đồ quy hoạch sử dụng đất của huyện thời kỳ năm 2021-2030, Xác định diện tích đất cần thu hồi, các khu vực chuyển đổi mục đích sử dụng đất và giao đất, nhằm tăng hiệu quả quản lý sử dụng đất và bảo vệ môi trường. Quỹ đất của huyện trong năm 2024 về cơ bản được khai thác cân đối phù hợp.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã xác định được từng dự án, công trình trên bản đồ kế hoạch sử dụng đất, chi tiết hiện trạng sử dụng các loại đất, cụ thể từng dự án trên bản đồ giải thửa và được trích lục ranh giới, vị trí, loại đất... Vì vậy, sẽ có nhiều thuận lợi trong quản lý đất đai, giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp nhật biến động đất đai; tham mưu, đề xuất với các ngành, cấp trên.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt sẽ là cơ sở pháp lý để huyện thực hiện công tác quản lý Nhà nước về đất đai tại địa bàn từng xã, làm căn cứ để giao đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo pháp luật,... góp phần đạt được các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của huyện trong năm 2024.

II. KIẾN NGHỊ

Để kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Đắk Mil có tính khả thi cao, đồng thời hướng người sử dụng đất vào việc khai thác và sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo tính thống nhất trong quản lý sử dụng đất và tạo cơ sở phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong việc sử dụng đất, UBND huyện Đắk Mil kiến nghị:

- UBND Tỉnh Đắk Nông xem xét, phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Đắk Mil để Ủy ban nhân dân huyện có cơ sở thực hiện công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn theo đúng quy định của pháp luật, đồng thời có cơ sở để đầu tư xây dựng các công trình dự án phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội ở địa phương.

UBND huyện Đắk Mil kính trình UBND tỉnh Đắk Nông, Sở Tài nguyên & Môi trường sớm thẩm định phê duyệt nội dung kế hoạch để huyện có cơ sở pháp lý để triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất 2024.

**PHẦN PHỤ BIỂU VÀ VĂN BẢN PHÁP LÝ,
TRÍCH LỤC BẢN VẼ**